

**UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh
Hệ, bậc đào tạo: Đại học/Chính quy**

Thanh Hóa, 2019

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH ĐẠI HỌC NGÔN NGỮ ANH

(Ban hành theo QĐ số /QĐ-ĐHHĐ ngày / /2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHHĐ)

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh được xây dựng lần đầu năm 2017 với mục tiêu đào tạo cử nhân ngành ngôn ngữ Anh có đủ kiến thức, kỹ năng, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh, đáp ứng được yêu cầu của xã hội. Chương trình được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu về nhân lực của các cơ sở đào tạo, các công ty, xí nghiệp và các tổ chức. Chương trình được xây dựng dựa trên các điều tra khảo sát về kiến thức, kỹ năng sinh viên cần đạt được để đáp ứng nhu cầu của đơn vị sử dụng lao động, góp ý từ các chuyên gia, giảng viên, và sinh viên. Chương trình xây dựng có sự tham khảo các chương trình đào tạo của các trường nước ngoài (Đại học Eastern Mediterranean, Đại học Khoa học Xã Hội Singapore, Đại học Bilkent, Đại học Atılım), các trường đại học trong nước (Học viện Ngoại giao, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Ngoại ngữ - Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng).

Chương trình đào tạo hiện hành bao gồm 121 tín chỉ, trong đó khối kiến thức chung 35 tín chỉ, kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 86 tín chỉ (kiến thức cơ sở ngành 7 tín chỉ, kiến thức ngành 52 tín chỉ, kiến thức bổ trợ 16 tín chỉ, thực tập tốt nghiệp và khoá luận tốt nghiệp 11 tín chỉ). Tổng số học phần bắt buộc 37 (93 tín chỉ) và 11 học phần thay thế/tự chọn (28 tín chỉ), được phân bố trong 8 học kỳ (kỳ 1: gồm 6 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 2: gồm 7 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 3: gồm 6 học phần, 14 tín chỉ; kỳ 4: gồm 6 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 5: gồm 6 học phần, 15 tín chỉ; kỳ 6: gồm 6 học phần, 15 tín chỉ; kỳ 7: gồm 7 học phần, 15 tín chỉ; và kỳ 8: 4 học phần, 14 tín chỉ). Tổng số giờ lý thuyết: 1035, giờ bài tập và thảo luận: 932, giờ thực hành: 693, giờ thực tập và khoá luận tốt nghiệp 235 giờ.

Ngoài các học phần đại cương và cơ sở, các học phần kiến thức chuyên ngành được giảng dạy bởi 19 giảng viên có trình độ cao (2 TS, 3NCS, và 14 ThS), trong đó có 8 người được đào tạo ở nước ngoài. Hệ thống phòng học và trang thiết bị phục vụ dạy học được Nhà trường trang bị đồng bộ, đáp ứng tốt công tác giảng dạy.... Thư viện và phòng đọc có tương đối đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo.

2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Ngôn ngữ Anh
Tên chương trình (Tiếng Anh):	English Language
Mã ngành đào tạo:	7220201
Trường cấp bằng tốt nghiệp:	Trường Đại học Hồng Đức
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân
Trình độ đào tạo:	Đại học
Số tín chỉ:	121

Hình thức đào tạo:	Chính quy
Thời gian đào tạo:	4 năm
Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh THPT hoặc tương đương
Thang điểm đánh giá:	10
Điều kiện tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none"> - Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo (121 tín chỉ); - Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4); - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ (tiếng Anh bậc 5/6 và tiếng Pháp bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam); - Có chứng chỉ quốc phòng và giáo dục thể chất.
Vị trí việc làm:	<ul style="list-style-type: none"> - Biên dịch viên, phiên dịch viên và biên tập viên trong các công ty, cơ quan ngoại giao, các tổ chức kinh tế, xã hội của Việt Nam và quốc tế; các NXB, trung tâm phát hành sách, báo, tạp chí,... - Chuyên viên truyền thông, tổ chức sự kiện, thư ký, trợ lý, v.v., trong các công ty có sử dụng tiếng Anh; - Hướng dẫn viên, chuyên viên tư vấn tại các công ty du lịch, lữ hành, nhà hàng, khách sạn; - Giáo viên giảng dạy và nghiên cứu tiếng Anh tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, phổ thông, trung tâm ngoại ngữ.
Học tập nâng cao trình độ:	Thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước
Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT:	31 tháng 10 năm 2019

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo đại học Ngôn ngữ Anh đào tạo ra những cử nhân tiếng Anh có chất lượng tốt, có năng lực giao tiếp tiếng Anh thành thạo (tương đương bậc 5/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam); có kiến thức ngành và chuyên ngành nền tảng và nâng cao để đáp ứng yêu cầu công việc; có kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ và văn hoá các nước nói tiếng Anh; được trang bị các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết đáp ứng yêu cầu của xã hội trong bối cảnh hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở các bậc cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành những chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

3.2. Mục tiêu cụ thể:

*** Kiến thức**

M1: Hiểu biết hệ thống kiến thức cơ bản về lí luận chính trị, quốc phòng an ninh, nhà nước và pháp luật, tâm lý học; có kiến thức cơ bản về ngôn ngữ, văn hoá - xã hội; sử dụng ngoại ngữ 2 và công nghệ thông tin;

M2: Có kiến thức cơ sở ngành vững chắc về lí luận ngôn ngữ Anh;

M3: Áp dụng lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về lí luận và phương pháp dịch thuật tiếng Anh trong công việc chuyên môn; sử dụng tiếng Anh bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

M4: Giải thích kiến thức về ngôn ngữ văn hoá Anh Mỹ, khám phá kiến thức tiếng Anh chuyên ngành; áp dụng kiến thức đất nước học và giao tiếp văn hoá vào công tác biên phiên dịch;

M5: Có kiến thức thực tế vững chắc về hoạt động của tổ chức, nắm vững các kiến thức chuyên môn nghiệp vụ đồng thời hiểu biết thực tế môi trường làm việc; có kiến thức nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề chuyên môn, phát triển khả năng phân tích, nghiên cứu và tư duy phê phán;

*** Kỹ năng:**

M6: Vận dụng thành thạo các kỹ năng tiếng Anh trong giao tiếp và trong lĩnh vực biên phiên dịch, du lịch, hành chính;

M7: Áp dụng kỹ năng tư duy, lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề liên quan đến tiếng Anh và trong hoạt động nghề nghiệp;

M8: Xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý các kế hoạch công tác đảm bảo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ;

M9: Áp dụng kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và ứng xử trong doanh nghiệp, trong môi trường đa văn hoá;

M10: Sử dụng kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ;

M11: Sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học;

*** Thái độ**

Yêu nước, yêu nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có ý thức kỷ luật và tác phong sư phạm, sẵn sàng đấu tranh ủng hộ, bảo vệ quan điểm khoa học chân chính, đam mê tìm hiểu, khám phá về ngành Ngôn ngữ Anh.

*** Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:**

M12: Nhận biết bối cảnh xã hội và ngành đào tạo;

M13: Hình thành ý tưởng, xây dựng và phát triển hoạt động nghề nghiệp;

M14: Tự học, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

M15: Có ý thức trách nhiệm công dân, tự định hướng, thích nghi với yêu cầu đổi mới của môi trường;

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chương trình được thiết kế đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

4.1. Kiến thức

*** Kiến thức giáo dục đại cương:**

C1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về Triết học, Kinh tế chính trị Mác-Lê Nin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, tư tưởng

HCM, hệ thống pháp luật Việt Nam; về quốc phòng – an ninh và thể dục thể thao trong cuộc sống, học tập và lao động nghề nghiệp;

C2: Hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản về văn hoá xã hội;

C3: Sử dụng công nghệ thông tin trong học tập, nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp;

C4: Sử dụng ngoại ngữ 2 bậc 3/6 (Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam) trong nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp;

*** Kiến thức ngành:**

C5: Vận dụng kiến thức nền tảng về tiếng Anh trong hoạt động nghề nghiệp;

C6: Vận dụng kiến thức chuyên sâu về tiếng Anh trong hoạt động nghề nghiệp;

*** Kiến thức chuyên ngành:**

C7: Vận dụng kiến thức tiếng Anh tổng quát ở bậc 5 (Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam) trong hoạt động nghề nghiệp;

C8: Vận dụng kiến thức chuyên sâu về lý luận và phương pháp Biên – Phiên dịch để thực hiện các nhiệm vụ Biên – Phiên dịch ở các cấp độ văn bản, ngôn bản;

C9: Áp dụng các loại hình, chiến lược giao tiếp trong môi trường nghề nghiệp, môi trường liên văn hoá và trong môi trường kinh doanh;

*** Kiến thức bổ trợ:**

C10: Áp dụng kiến thức văn hoá, lịch sử, chính trị-xã hội các quốc gia nói tiếng Anh trong hoạt động nghề nghiệp; sử dụng kiến thức văn học Anh-Mỹ trong hoạt động Biên dịch;

C11: Vận dụng kỹ năng thuộc các lĩnh vực chuyên ngành (kinh tế, du lịch) trong hoạt động nghề nghiệp;

*** Thực tập và khoá luận tốt nghiệp:**

C12: Nắm vững kiến thức thực tiễn về hoạt động của các cơ quan tổ chức, tiếp cận và hoàn thành tốt các kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ nghề nghiệp đã học, làm quen với thực tế môi trường làm việc;

C13: Thực hiện các nghiên cứu khoa học chuyên ngành tiếng Anh để phục vụ các hoạt động nghề nghiệp;

C14: Vận dụng kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ, kỹ năng và dịch thuật tiếng Anh;

4.2. Kỹ năng

*** Kỹ năng nghề nghiệp**

C15: Vận dụng thành thạo các kiến thức, kỹ năng và phương pháp dịch thuật để dịch được các văn bản, ngôn bản ở nhiều dạng thức khác nhau như từ tiếng Anh sang tiếng Việt hoặc từ tiếng Việt sang tiếng Anh;

C16: Vận dụng linh hoạt sáng tạo các phương pháp, hình thức dịch thuật;

*** Kỹ năng khác:**

C17: Lập luận, tư duy, phân tích và giải quyết vấn đề: vận dụng quy luật khách quan, xu thế thời đại vào thực tiễn để phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể trong học tập, nghiên cứu và trong cuộc sống;

C18: Có các kỹ năng mềm để tự phát triển bản thân như: kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

C19: Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ: Có thể giao tiếp bằng ngoại ngữ (tiếng Anh) với trình độ bậc tương đương bậc 5/6 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt

Nam; Có thể giao tiếp bằng ngoại ngữ khác với trình độ tương đương bậc 3/6 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam;

C20: Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp: Có kỹ năng sử dụng công cụ công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn; khai thác hiệu quả mạng Internet phục vụ cho việc học tập, công tác và nghiên cứu;

4.3. Thái độ

- Thể hiện niềm tin và lòng trung thành đối với đất nước; sự liêm chính và trách nhiệm với xã hội, công bằng và tôn trọng đồng nghiệp; thể hiện tầm nhìn và có kế hoạch trong công việc và trong cuộc sống;

- Thể hiện tính chủ động và sẵn sàng đưa ra quyết định, kiên trì, quyết tâm, linh hoạt trong công việc; thể hiện khả năng tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, khả năng tự học và rèn luyện suốt đời; thể hiện khả năng quản lý thời gian và các nguồn lực;

4.4. Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

C21: Xác định vai trò và trách nhiệm của cử nhân NNA, xác định tác động của tiếng Anh đối với xã hội, hiểu biết các quy định liên quan đến nghề nghiệp, hiểu biết bối cảnh lịch sử, văn hoá và giá trị cốt lõi của dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế; hiểu biết sự đa dạng văn hoá, nhận biết sứ mệnh, tầm nhìn, chiến lược phát triển, và hiểu biết bối cảnh hoạt động của tổ chức;

C22: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo trong quá trình làm việc; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp trong quá trình biên phiên dịch tiếng Anh;

C23: Định hướng nghề nghiệp và xây dựng kế hoạch thích nghi với yêu cầu đổi mới của môi trường;

C24: Có năng lực tự học, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

5. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra																							
	Kiến thức giáo dục đại cương				Kiến thức ngành		Kiến thức chuyên ngành			Kiến thức bổ trợ		Thực tập – Khoa luận tốt nghiệp			Kỹ năng nghề nghiệp		Kỹ năng khác				Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm			
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	C21	C22	C23	C24
M1	3	3	3	3																				
M2					4	4																		
M3						5	5	6	6															
M4										5	5													
M5												5	6	6										
M6															4	4								
M7																	4	4	4	4				
M8																	4	4	4	4				
M9																	5	5	5					
M10																	4	4	4					
M11																			4					
M12																					4	4	4	4
M14																								4
M15																					4	4	4	

Ghi chú: Đối với kiến thức: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo. Đối với kỹ năng: 1-Bắt chước; 2-Vận dụng; 3-Chính xác; 4-Thành thạo; 5-Bản năng. Đối với năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: 1-Tiếp nhận; 2-Hỏi đáp; 3-Đánh giá; 4-Tổ chức; 5-Tính cách.

6. Phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá

6.1. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được

những năng lực cần thiết như đã đề ra. Hàng năm, giảng viên cập nhật lại bài giảng, giáo trình, tìm hiểu và đưa vào những kiến thức và công nghệ mới trong dạy học tiếng Anh vào giảng dạy.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy người học. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), phương pháp động não, đặt vấn đề, hoạt động nhóm, dự án, mô phỏng, nghiên cứu tình huống (áp dụng cho các tiết thảo luận, bài tập), phương pháp mô phỏng, thực nghiệm (áp dụng cho các tiết thực hành).

- Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học: Thực hiện thông qua tự đánh giá của giảng viên, phản hồi của SV và của đồng nghiệp. Thông qua kết quả thu được của mỗi bài giảng, bài kiểm tra, giảng viên tự đánh giá được chất lượng bài giảng và không ngừng tìm hiểu nâng cao kiến thức, kinh nghiệm thực tế cũng như phương pháp truyền thụ để cải tiến chất lượng dạy học. Ở buổi học đầu, giảng viên cung cấp thông tin cá nhân và các kênh liên lạc để trao đổi học thuật và nhận phản hồi góp ý từ sinh viên. Cuối kỳ giảng viên, bộ môn hoặc khoa sẽ phát phiếu để sinh viên đánh giá, góp ý toàn bộ quá trình giảng dạy. Mỗi học kỳ bộ môn và Khoa tổ chức dự giờ để đánh giá và góp ý giờ giảng. Bên cạnh đó, thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn học thuật, người dạy có được thông tin đa chiều trong việc cần cải tiến phương pháp dạy và học, cũng như đánh giá người học.

6.2. Các phương thức đánh giá

- Đánh giá quá trình: Được tiến hành thường xuyên dựa theo tiến trình đã được nêu trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 20% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Hình thức đánh giá thông qua hỏi đáp nhanh, kiểm tra miệng, bài tập nhóm, bài kiểm tra 15 phút, câu hỏi trắc nghiệm.

- Đánh giá giữa kỳ: Được thực hiện trong khoảng tuần thứ 6 đến tuần 9 trong tiến trình đào tạo, đã được xác định trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 30% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Các hình thức đánh giá bao gồm: bài kiểm tra 1 tiết, vấn đáp, bài tập lớn hoặc các dự án.

- Đánh giá cuối kỳ: Được thực hiện thông qua bài thi cuối kỳ do Phòng Quản lý đào tạo xếp lịch, trọng số 50% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Hình thức thi theo đề xuất của bộ môn và phải được Nhà trường phê duyệt, các hình thức bao gồm: viết, vấn đáp, trắc nghiệm.

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số TC	Loại HP	Số TC
1	Kiến thức giáo dục đại cương, 35 tín chỉ	Bắt buộc	23
		Tự chọn	12

2	Kiến thức cơ sở ngành, 7 tín chỉ	Bắt buộc	5
		Tự chọn	2
3	Kiến thức ngành 52 tín chỉ	Bắt buộc	52
		Tự chọn	0
4	Kiến thức bổ trợ, 16 tín chỉ	Bắt buộc	8
		Tự chọn	8
5	Thực tập và khoá luận tốt nghiệp, 11 tín chỉ	Bắt buộc	5
		Tự chọn, thay thế	6
Tổng số: 121 TC			

2. Danh sách và mô tả các học phần

TT	Mã HP	Tên HP (số tín chỉ)	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
A. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG				
I. Kiến thức về lý luận chính trị				
1	196055	Triết học Mác-Lênin (3 tín chỉ)	- <i>Nội dung học phần:</i> Khái quát về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triển của triết học Mác – Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội. Quan điểm của triết học Mác – Lênin về vật chất, ý thức; các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; bản chất của nhận thức, thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức. Quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử; về nguồn gốc, bản	Tài liệu bắt buộc: 1. Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Triết học Mác-Lênin</i> , NXB CTQG, 2019. 2. Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> , NXB CTQG, 2013. Tài liệu tham khảo: 1. Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Triết học Mác-Lênin</i> , NXB CTQG, 2007. 2. Nguyễn Hữu Vui, <i>Lịch sử triết học</i> , NXB CTQG, 2003.

			<p>chất giai cấp, đấu tranh giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và con người.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm được lý luận triết học Mác – Lênin, xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học; sinh viên có khả năng vận dụng được lý luận để nhận thức và cải tạo thế giới; sinh viên có được các phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường chính trị vững vàng.</p>	<p>3. Đảng Cộng sản Việt Nam, <i>Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII (1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011; 2016)</i>, NXB CTQG.</p>
2	196060	<p>Kinh tế chính trị Mác-Lênin (2 tín chỉ)</p>	<p>- <i>Nội dung học phân:</i> Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin: hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế; quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm được hệ thống kiến thức kinh tế chính trị của chủ nghĩa Mác – Lênin; có khả năng tư duy, phân tích và nhận diện được bản chất của các quan hệ kinh tế, xử lý các quan hệ lợi ích trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang hội nhập sâu rộng vào các quá trình kinh tế quốc tế; sinh viên có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1. Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i>, NXB CTQG, 2019.</p> <p>2. Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i>, NXB CTQG, 2006.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Đảng Cộng sản Việt Nam, <i>Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII (1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011; 2016)</i>, NXB CTQG.</p>

3	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Những tri thức cơ bản, cốt lõi lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về Chủ nghĩa xã hội khoa học: đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học; quá trình hình thành, phát triển CNXH; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; CNXH và các vấn đề văn hóa, xã hội, giai cấp, dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm được lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin về chủ nghĩa xã hội khoa học; có khả năng tư duy, đánh giá và giải quyết đúng đắn những vấn đề chính trị- xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i>, NXB CTQG, 2019. 2. Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i>, NXB CTQG, 2003. <p>Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i>, NXB CTQG, 2013. 2. Đảng Cộng sản Việt Nam, <i>Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII (1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011; 2016)</i>, NXB CTQG.
4	198030	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920- 1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945- 1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975- 2018).</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có phương pháp tư duy khoa học về lịch sử; có nhận thức, niềm tin đối với sự lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam, phát huy được truyền thống tốt đẹp của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sinh viên vận dụng</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i>, NXB CTQG, 2019. <p>Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đảng Cộng Sản Việt Nam, <i>Văn kiện Đảng toàn tập</i>, NXB CTQG, 2001. 2. Bộ GD&ĐT, <i>Chương trình môn Lịch sử ĐCSVN</i>, 2019. 3. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn Mác-Leenin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, <i>Giáo trình Lịch sử ĐCSVN</i>, NXB CTQG, 2018.

			được kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	
5	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học TT Hồ Chí Minh. Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển TT Hồ Chí Minh; độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng cộng sản và Nhà nước Việt nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; đạo đức văn hóa, con người.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hiểu đúng hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và vai trò tư tưởng Hồ Chí Minh; có năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác trên lập trường quan điểm chủ nghĩa Mac – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; lý giải, đánh giá đúng đắn được các hiện tượng xã hội, hiểu rõ cơ sở lý luận, tính khách quan quan, khoa học của các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước; có khả năng rèn luyện và hoàn thiện bản thân theo phong cách Hồ Chí Minh.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>, NXB CTQG, 2009. 2. Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>, NXB CTQG, 2005. <p>Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng Trung ương biên soạn, <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>, NXB CTQG, 2003. 2. “<i>Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>” tài liệu phục vụ dạy và học, NXB ĐHKQT, 2008. 3. <i>Một số chuyên đề về tư tưởng Hồ Chí Minh</i>, NXB LLCT, 2008.
6	197030	Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật, đồng thời có sự liên hệ với nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên vận dụng</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lê Minh Toàn, <i>Giáo trình pháp luật đại cương</i>, NXB CTQG, 2009. <p>Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lê Văn Minh, <i>Pháp luật đại cương</i>, NXB Lao động, 2016. 2. Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoàn, <i>Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật</i>, NXB CAND, 2012.

			<p>được kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư; phân biệt được tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày; có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội.</p>	<p>3. Nguyễn Minh Đông, <i>Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật</i>, NXB Tư pháp, 2012.</p>
II. Ngoại ngữ II (Chọn một trong hai học phần)				
7a	133069	<p>Ngoại ngữ II – 1: Tiếng Pháp (4 tín chỉ)</p>	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Tiếng Pháp 1 là học phần bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này được dạy – học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, kiến thức văn hóa xã hội cơ bản của nước Pháp và các nước trong cộng đồng Pháp ngữ để thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ; hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng tiếng Pháp. Mục tiêu chung của học phần là: sinh viên có khả năng hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Sinh viên có thể tự giới thiệu về bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống,</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <p>1. Jacky Girardet, Jacques Pécheur, 2016 « <i>Tendances niveau A1</i> » - <i>Méthode de français</i>, NXB CLE International/ VUEF, Tours, France. (D1)</p> <p>2. Jacky Girardet, Jacques Pécheur, 2016 « <i>Tendances niveau A1</i> » - <i>Cahier d'activités</i>, NXB CLE International/ VUEF, Tours, France. (D2)</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Christian Beaulieu, <i>Exercices de grammaire A1 du Cadre européen</i>, Didier, 2006</p> <p>2. Ludivine Glaud et Muriel Lannier, <i>Grammaire essentielle du français A1 A2</i>, Didier, 2015</p> <p>3. Gaël Crépieux, <i>Vocabulaire essentiel du Français Niveau A1-A2</i>, Didier, 2016</p> <p>4. Jean-Claude Beacco et Rémy Porquier, <i>Niveau A1 pour le français</i>, Didier, 2007</p>

			<p>người thân/ bạn. Người học có thể giao tiếp một cách đơn giản nhất nếu người nói sử dụng tiếng Pháp một cách chậm rãi. Người học có thể nói, viết những câu đơn giản bằng tiếng pháp và nghe các đoạn hội thoại ngắn bằng tiếng pháp.</p> <p>Học phần tiếng Pháp 1 cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp tiếng Pháp theo trình tự từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè. Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ .</p> <p>Kết thúc học phần, người học đạt trình độ sơ cấp, bậc 1/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.</p>	<p>Website :</p> <p>http://www.cle.fr</p> <p>http://grammaire.</p>
7b	133009	<p>Ngoại ngữ II – 1: Tiếng Trung Quốc (4 tín chỉ)</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm các nội dung về luyện tập từ ngữ, cách chào hỏi, xưng hô, miêu tả về gia đình, bạn bè. Kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp của tiếng Trung Quốc, học phần tập trung vào việc rèn luyện các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp ở các tình huống đơn giản theo khuôn mẫu.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <p>1. Trần Thị Thanh Liêm (biên dịch) - Giáo trình Hán ngữ, tập 1 quyển thượng, NXB ĐH sư phạm, năm 2014.</p> <p>2. Băng catsete hoặc đĩa ghi âm tập 1, quyển thượng</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Trần Thị Thanh Liêm (biên dịch) - Giáo trình Hán</p>

			<p>tiếng Trung Quốc. Sinh viên có khả năng hiểu những tình huống giao tiếp đơn giản liên quan đến đời sống hằng ngày bằng tiếng Trung Quốc. Người học có thể giao tiếp một cách đơn giản nhất nếu người nói sử dụng tiếng Trung Quốc với tốc độ chậm một cách chậm rãi. Người học đạt trình độ sơ cấp tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.</p>	<p>ngữ cơ sở tập 1, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội – Năm 2010</p> <p>2. Hàng Ngọc Hoa- 301 câu đàm thoại tiếng Hoa, NXB Khoa học xã hội – Năm 2017</p> <p>3. Ngữ pháp tiếng Hán Hiện đại – NXB Trẻ – Năm 1999</p>
8a	133005	<p>Ngoại ngữ II – 2: Tiếng Pháp (3 tín chỉ)</p>	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Tiếng Pháp 2 là học phần bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Tiếp theo học phần Tiếng Pháp 1, học phần này được dạy – học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, kiến thức văn hóa xã hội cơ bản của nước Pháp và các nước trong cộng đồng Pháp ngữ để thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ; hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng tiếng Pháp.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> + Có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm). + Có thể trao đổi thông tin về</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <p>1. Jacky Girardet, Jacques Pécheur, 2016 « <i>Tendances niveau A1</i> » - <i>Méthode de français</i>, NXB CLE International/ VUEF, Tours, France. (D1)</p> <p>2. Jacky Girardet, Jacques Pécheur, 2016 « <i>Tendances niveau A1</i> » - <i>Cahier d'activités</i>, NXB CLE International/ VUEF, Tours, France. (D2)</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Christian Beaulieu, <i>Exercices de grammaire A1 du Cadre européen</i>, Didier, 2006</p> <p>2. Ludivine Glaud et Muriel Lannier, <i>Grammaire essentielle du français A1</i>, Didier, 2015</p> <p>3. Gaël Crépieux, <i>Vocabulaire essentiel du Français Niveau A1</i>, Didier, 2016</p> <p>4. Jean-Claude Beacco et Rémy Porquier, <i>Niveau A1 pour le français</i>, Didier, 2007</p> <p>Website :</p> <p>http://www.cle.fr; http://grammaire.; http://www.tv5.org/; http://www.lepointdufle http://www.ortholud.com http://tiengphaponline.com,</p>

			<p>những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày. + Có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.</p> <p>Kết thúc học phần, người học đạt trình độ sơ cấp, bậc 2/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.</p>	
8b	133011	Ngoại ngữ II – 2: Tiếng Trung Quốc (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần Tiếng Trung Quốc 2 bao gồm kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và các nội dung liên quan đến chủ đề về thể thao, du lịch, danh lam thắng cảnh v.v...</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học sử dụng được 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Trung Quốc ở mức cơ bản về các chủ đề thường gặp hàng ngày, có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có thái độ học tập tích cực. Có năng lực phối hợp làm bài tập nhóm, bài tập giữa kỳ, cuối kỳ..., thông qua đó giúp giảng viên đánh giá thường xuyên quá trình tự học của họ.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <p>1. Dương Ký Châu (chủ biên), Giáo trình Hán ngữ, tập 2 quyển 3, NXB ĐH Ngôn ngữ văn hóa Bắc Kinh, năm 2012.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>2. An Tường (biên dịch), Giáo trình Hán ngữ sơ cấp tập 3, NXB Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2012</p> <p>3. Trần Thị Thanh Liêm (biên dịch), Giáo trình Hán ngữ cơ sở tập 3, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, năm 2010</p> <p>4. Ngữ pháp tiếng Hán Hiện đại, NXB Trẻ, năm 2013</p>
9a	133055	Ngoại ngữ II – 3: Tiếng Pháp (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Tiếng Pháp 3 là học phần bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Tiếp theo học phần Tiếng Pháp 2, học phần này được dạy – học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, kiến thức văn hóa xã</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <p>1. Jacky Girardet, Jacques Pécheur, 2016 « Tendances niveau A1 » - Méthode de français, NXB CLE International/ VUEF, Tours, France. (D1)</p> <p>2. Jacky Girardet, Jacques Pécheur, 2016 « Tendances niveau A1 » - Cahier d'activités, NXB CLE International/ VUEF, Tours, France. (D2)</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Christian Beaulieu, Exercices de grammaire A1 du</p>

			<p>hội cơ bản của nước Pháp và các nước trong cộng đồng Pháp ngữ để thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ; hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng tiếng Pháp. Học phần tiếp tục củng cố và tăng cường những kiến thức chuyên sâu hơn về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp tiếng Pháp. Sinh viên có thể nói, viết những câu phức, hai mệnh đề bằng tiếng pháp và nghe các đoạn hội thoại hoặc phóng sự bằng tiếng Pháp.</p> <p>- Năng lực đạt được: Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí; Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó. Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.</p> <p>Kết thúc học phần, người học đạt trình độ trung cấp, bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.</p>	<p>Cadre européen, Didier , 2006</p> <p>2. Ludivine Glaud et Muriel Lannier, Grammaire essentielle du français A1, Didier, 2015</p> <p>3. Gaël Crépieux , Vocabulaire essentiel du Français Niveau A1, Didier, 2016</p> <p>4. Sylvie Poisson-Quinton, Compréhension écrite 1, Cle International, 2004</p> <p>5. Jean-Claude Beacco et Rémy Porquier, Niveau A1 pour le français, Didier, 2007</p> <p>Website :</p> <p>http://www.cle.fr; http://grammaire.;</p> <p>http://www.tv5.org/, http://www.lepointdufle</p> <p>http://www.ortholud.com http://tiengphaponline.com</p>
9b	133010	Ngoại ngữ II –	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc</i></p>

		3: Tiếng Trung Quốc (3 tín chỉ)	<p>tiếng Trung Quốc theo trình tự từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Học phần gồm các nội dung về giao tiếp hàng ngày, các bài đọc hiểu về cuộc sống, con người Trung Quốc. Mỗi nội dung bài học gồm 5 phần: Ngữ âm, Từ vựng, Bài đọc hiểu, Ngữ pháp, luyện tập.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học có thể sử dụng tương đối thành thạo 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Trung Quốc, để sử dụng trong các tình huống giao tiếp thông thường có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có thái độ học tập tích cực. Tham gia các hoạt động tự học ở nhà như làm bài tập nhóm, bài tập tháng, bài tập giữa kỳ, cuối kỳ..., thông qua đó giúp giảng viên đánh giá thường xuyên quá trình tự học của họ.</p>	<p>1. Dương Ký Châu (chủ biên), Giáo trình Hán ngữ, tập 2 quyển 4, NXB ĐH Ngôn ngữ văn hóa Bắc Kinh, năm 2012.</p> <p>2. Băng cassette hoặc đĩa ghi âm tập 2 quyển 4</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Trần Thị Thanh Liêm (biên dịch), Giáo trình Hán ngữ cơ sở tập 3, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, năm 2010</p> <p>2. Khang Ngọc Hoa, 301 câu đàm thoại tiếng Hoa, NXB Khoa học xã hội, năm 2014</p> <p>3. An Tường (biên dịch), Giáo trình Hán ngữ sơ cấp tập 3, NXB Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2010</p>
III. Tin học, KHXH, Môi trường				
10	173080	Tin học	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về CNTT, máy tính và hệ điều hành, mạng máy tính và Internet, phần mềm soạn thảo văn bản, phần mềm trình diễn văn bản, phần mềm xử lý bảng tính.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học vận dụng được những tính năng cơ bản của công nghệ thông tin vào giải quyết công việc. Sử dụng được các phần mềm soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản, xử lý bảng tính và mạng Internet.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <p>1. Hồ Sĩ Đàm, Đào Kiến Quốc, Hồ Đắc Phương, 2010, <i>Giáo trình tin học cơ sở</i>, NXB ĐHSP.</p> <p>2. Bùi Thế Tâm, 2010, <i>Giáo trình tin học văn phòng</i>, NXB Giao thông vận tải.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Phạm Công Anh, <i>Tin học cơ bản Microsoft Word, Excel, Powerpoint 2010</i>, NXB Văn hóa thông tin (2012).</p> <p>2. Bộ khoa học và công nghệ, 2008, <i>Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm nguồn mở</i>.</p>

11	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học trình bày được những thành tố cơ bản của văn hóa; nhận diện, phân tích, đánh giá những hiện tượng văn hóa Việt Nam từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc; vận dụng vào việc phân tích, giải thích các hiện tượng văn hóa trong đời sống hiện nay.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Trần Quốc Vương, <i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i>, NXB GD, 2002.</p> <p>2- Trần Ngọc Thêm, <i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i>, NXB GD, 1999.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1- Phan Ngọc, <i>Bản sắc văn hóa Việt Nam</i>, NXB VHNT, 2000.</p>
12	121105	Môi trường và con người (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm kiến thức cơ bản về các khái niệm môi trường & con người; các nguyên lý cơ bản của sinh thái học; mối quan hệ tác động qua lại giữa dân số - tài nguyên - môi trường; nguyên nhân, thực trạng và hậu quả ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước,...trên thế giới cũng như ở Việt Nam; các giải pháp để sử dụng bền vững tài nguyên và BVMT; luật và chính sách môi trường của Việt Nam về hoạt động BVMT; các vấn đề cơ bản về vệ sinh an toàn lao động, hoạt động bảo hộ lao động trong một số ngành nghề và doanh nghiệp.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học vận dụng được những kiến thức về môi trường và con người trong việc bảo vệ môi trường sống, thực hiện đúng các chính sách môi trường của Việt Nam.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <p>1. Lưu Đức Hải, <i>Cơ sở khoa học môi trường</i>, NXB ĐHQG Hà Nội, 2010.</p> <p>2. Mai Đình Yên (chủ biên), <i>Môi trường và con người</i>, NXB Giáo dục Hà Nội, 2010.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Lê Văn Khoa (chủ biên), <i>Khoa học môi trường</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2010</p> <p>2. Lê Văn Trường, Nguyễn Kim Tiến (đồng chủ biên), <i>Giáo dục môi trường</i>, NXB Giáo dục Hà Nội, 2006.</p> <p>3. Luật bảo vệ môi trường, NXB Chính trị quốc gia,</p>

				2005.
13	132001	PPNCKH chuyên ngành TA (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Kiến thức cơ bản về khái niệm về nghiên cứu trong hoạt động dạy học, các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành trên thế giới, đặc biệt trong ngôn ngữ học ứng dụng như: phương pháp điều tra, phương pháp thống kê, phương pháp thực nghiệm và các kỹ thuật thu thập và xử lý số liệu của một nghiên cứu như: phỏng vấn, quan sát, thống kê, khảo sát, đối chiếu, miêu tả v.v.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm được khái niệm về nghiên cứu, các loại hình nghiên cứu và các giai đoạn và các bước trong nghiên cứu, biết cách xác định đề tài nghiên cứu, xác định phạm vi đề tài, đặt tên đề tài nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu, đọc và thu thập tài liệu phục vụ đề tài nghiên cứu, viết đề cương nghiên cứu khoa học giáo dục trong lĩnh vực dạy học ngoại ngữ, biết sử dụng các công cụ hỗ trợ để tiến hành nghiên cứu, được rèn luyện kỹ năng nghiên cứu, hiểu được các giai đoạn của từng loại hình nghiên cứu khác nhau, biết phân tích, đánh giá một công trình nghiên cứu cụ thể.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyen Thi Thuy Minh. (2007). <i>Research Methodology</i>. VNU. Hanoi 2. Brown, J.D. (1988). <i>Understanding Research in Second Language Learning: A teacher's Guide</i>. London: CUP. <p>Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nunan, D. (1992). <i>Research Methods in Language Learning</i>. Cambridge. CUP. 2. Nguyễn Thiện Giáp. (2010). Các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ. NXB Giáo dục.
14	181145	Tâm lý học đại cương (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Tâm lý học là một khoa học; Những vấn đề về cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của tâm lý; Các quá trình nhận thức cảm tính, lý tính của con người; Các thuộc tính tâm lý cơ bản của nhân cách và con đường hình thành, phát triển nhân cách; Những sai lệch</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Quang Uẩn (2004), Giáo trình Tâm lý học đại cương. NXB ĐHSP 2. Nguyễn Xuân Thúc (2006), Giáo trình Tâm lý học đại cương, NXB ĐHSP <p>Tài liệu tham khảo:</p>

			<p>hành vi về mặt tâm lý trong sự phát triển nhân cách...</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nhận diện được các hiện tượng tâm lý, có phương hướng hình thành, phát triển tâm lý, nhân cách cho chính bản thân mình để phù hợp với cuộc sống cũng như hoạt động nghề nghiệp.</p>	<p>1. Trần Trọng Thủy (1998), Tâm lý học, NXB Giáo dục</p> <p>2. Trần Trọng Thủy (2002), Bài tập thực hành tâm lý học, NXB ĐHQG Hà Nội</p>
15	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
a	123240	Xã hội học đại cương	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm những vấn đề chung về tri thức cơ bản và có hệ thống về Xã hội học, bao gồm: đối tượng, chức năng của Xã hội học, lịch sử hình thành và phát triển của Xã hội học trên thế giới và ở Việt Nam, cấu trúc của các môn Xã hội học: lý thuyết và thực hành, hệ thống các khái niệm và các nguyên lý cơ bản của Xã hội học; giới thiệu một số chuyên ngành Xã hội học; một số phương pháp nghiên cứu cơ bản của Xã hội học; quan hệ của Xã hội học với công tác xã hội.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học có thể vận dụng các phạm trù và khái niệm để nhận diện, phân tích đánh giá các vấn đề xã hội. Ngoài ra, người học có thể rèn luyện được các kỹ năng cụ thể như thuyết trình, nhận diện vấn đề, v.v.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1. Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng..Xã hội học- NXBĐHQG HN -2001.</p> <p>2. Nhập môn xã hội học – Trần Thị Kim Xuyên ...NXB Thống Kê – 2002</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Lê Ngọc Hùng - Lý thuyết và lịch sử xã hội học- NXBĐHQG – 2001</p> <p>3. Xã hội học đại cương - Nguyễn Sinh Huy – NXBĐHQG - 1998</p> <p>4. G. Endruwei.... Từ điển Xã hội học – NXB Thế giới – 2001</p> <p>5. Các Website: http:// www.Wikipedia.org, www my.opera.com, Vista.org, vnn.vn,vnexpress.net, fr.blog.360.yahoo.com</p>
b	122005	Các vấn đề xã hội đương đại	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần các vấn đề đương đại bao gồm những khái niệm cơ bản về vấn đề xã hội, sử dụng các lý thuyết giải thích nguyên nhân và điều kiện nảy sinh các vấn đề xã hội, tệ nạn xã hội, PPNC các vấn đề xã hội.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1. Nguyễn Thị Oanh và tập thể giáo viên « <i>An sinh xã hội và các vấn đề xã hội</i> ». Khoa phụ nữ học- Đại học mở bán công thành phố HCM.1997.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p>

		<p>Học phần cũng trình bày một số vấn đề xã hội chính trong xã hội Việt Nam hiện nay như: nghèo đói, ô nhiễm môi trường, mại dâm, ma túy, HIV/AIDS, tội phạm, bạo lực gia đình, xâm hại tình dục trẻ em,... Trong mỗi vấn đề được trình bày sẽ đi vào tìm hiểu: phạm vi, mức độ, tác động xã hội, những hoạt động và chương trình can thiệp phù hợp.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học hiểu và vận dụng những kỹ năng cần thiết trong việc nhận diện vấn đề xã hội, kỹ năng tư duy, phân tích, đánh giá các vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của cá nhân, nhóm và cộng đồng xã hội, liên hệ thực tế các vai trò của nhân viên xã hội trong quá trình giải quyết các vấn đề</p>	<p>1. Báo cáo nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam, Hà Nội, 2010.</p> <p>2. Báo cáo nghèo đói năm 2011. Viện khoa học xã hội Việt Nam.</p> <p>3. Giải pháp cho vùng Đông Á và Thái Bình Dương trong phòng chống HIV/AIDS, 2003. Ngân hàng Thế giới, Vụ phát triển nhân lực Vùng Đông Á và Thái Bình Dương.</p> <p>4. Nghiên cứu quốc gia về Bạo lực Gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam được Chính phủ Việt Hợp Quốc công bố ngày 25/11/2010</p> <p>5. Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật, Những vấn đề lý luận và thực tiễn của việc đấu tranh phòng, chống các tệ nạn xã hội ở nước ta, NXB công an nhân dân, 2002.</p>
--	--	---	--

IV. Giáo dục thể chất

191004	Giáo dục thể chất 1 (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm giáo dục thể chất trong trường đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu, hoạt động ngoại khóa môn bóng chuyền, thể dục Aerobic, bóng đá, bóng rổ, Vovinam - Việt võ đạo, chạy cự ly ngắn và nhảy xa ưỡn thân; bài tập thể dục tay không 9 động tác.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của bài tập thể dục tay không 9 động tác, chạy cự ly ngắn và môn nhảy xa ưỡn thân; tự rèn luyện nâng cao thể chất; có</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1. Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ, <i>Lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học</i>, NXB TĐTT, 2000.</p> <p>2. Nguyễn Xuân Sinh, <i>Thể dục</i>, NXB TĐTT, 2009.</p> <p>3. Nguyễn Đại Dương, <i>Giáo trình Điền Kinh</i>, NXB TĐTT, 2006.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Nguyễn Viết Minh, Hồ Đắc Sơn, <i>Giáo trình Bóng chuyền</i>, NXB ĐHSP, 2007.</p> <p>2. Đinh Khánh Thu, <i>Giáo trình Thể dục Aerobic</i>, NXB TĐTT, 2014.</p> <p>3. PGS.TS. Trần Đức Dũng, <i>Giáo trình Bóng Đá</i>, NXB</p>
--------	---------------------------------	--	---

			khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài của các môn chạy cự ly ngắn và môn nhảy xa ưỡn thân ở các giải phong trào...	TDTT, 2007.
Giáo dục thể chất 2 <i>chọn 1 trong 5 học phần</i>				
191031	Bóng chuyên (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Các kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyên (tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay trước mặt).</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyên (tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng cao tay trước mặt); có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài môn bóng chuyên ở các giải phong trào.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Viết Minh, Hồ Đắc Sơn, <i>Giáo trình Bóng chuyên</i>, NXB ĐHSP, 2007. 2. Đinh Văn Lãm, Phạm Thế Vượng, Đàm Chính Thống, <i>Giáo trình Bóng chuyên</i>, NXB TDTT, 2006. 3. Ủy ban TDTT, <i>Luật bóng chuyên</i>, NXB TDTT, 2003. <p>Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Quang, <i>Hướng dẫn tập luyện và thi đấu bóng chuyên</i>, NXB TDTT, 2001. 2. Ủy ban TDTT, <i>Bóng chuyên bóng rổ</i>, NXB TDTT, 1998. 	
191032	Thể dục Aerobic (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản của chân, nhóm độ khó, tháp, đội hình trong kết cấu một bài Aerobic Dansports, bài liên kết Aerobic Dansports không có nhạc.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên thực hiện được các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản của chân, nhóm độ khó, tháp, đội hình trong kết cấu một bài Aerobic Dansports, bài liên kết Aerobic Dansports không có nhạc và có nhạc.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đinh Khánh Thu, <i>Giáo trình Thể dục Aerobic</i>, NXB TDTT, 2014. 2. Liên đoàn Thể dục quốc tế, <i>Thể dục Aerobic chu kỳ 2013-2016</i>, 2013. <p>Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Xuân Sinh, <i>Thể dục</i>, NXB TDTT, 2009. 	
191033	Bóng đá (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Các bài tập chiến thuật tấn công, phòng thủ trong thi đấu Bóng đá, luật</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. PGS.TS. Trần Đức Dũng, <i>Giáo trình Bóng Đá</i>, NXB 	

		<p>bóng đá (Sân 11 người, 7 người, 5 người). Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu và trọng tài.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá (đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong, mu ngoài, mu chính diện, mu lai má..); tổ chức tập luyện, hình thức tập luyện, các bài tập chiến thuật áp dụng vào tập luyện và thi đấu; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải bóng đá phong trào.</p>	<p>TDTT, 2007.</p> <p>2. Ủy ban TDTT, <i>Luật Bóng đá 11 người, 7 người, 5 người</i>.</p> <p>3. TS. Phạm Quang, <i>Giáo trình Bóng đá</i>, NXB ĐHSP, 2004.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. TS. Phạm Quang, Nguyễn Thiết Tình và cộng sự, <i>Huấn luyện Bóng đá trình độ A; B; C</i>, NXB TDTT, 2000.</p> <p>2. Đĩa (VCD) MILO, <i>Một số bài tập Bóng đá</i> (Thư viện ĐH Hồng Đức), 2004.</p>
191034	Bóng rổ (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phân</i>: Các kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (các kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật dẫn bóng, chuyền bóng bằng 1 tay, 2 tay). Các kỹ thuật tại chỗ ném rổ tựa bảng bằng 1 tay trên cao, kỹ thuật di chuyển 2 bước bật nhảy ném rổ bằng 1 tay trên cao; kỹ thuật móc xuôi, móc ngược trong bóng rổ.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ; kỹ thuật dẫn bóng nhanh bằng 1 tay, 2 tay; kỹ thuật tại chỗ ném rổ bằng 1 tay trên cao; kỹ thuật di chuyển 2 bước bật nhảy ném rổ tựa bảng bằng 1 tay trên cao; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải bóng rổ phong trào.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1. Nguyễn Văn Trung; Nguyễn Quốc Quân; Phạm Văn Thảo, <i>Giáo trình bóng rổ</i>, NXB TDTT, 2002.</p> <p>2. Nguyễn Tùng, <i>Giáo trình bóng rổ dành cho sinh viên Cao đẳng TDTT</i>, 2003.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Ủy ban thể dục thể thao, <i>Luật bóng rổ</i>, 2015.</p>
191035	Vovinam-Việt võ đạo (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phân</i>: Các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam, từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiếu và các cộng sự, <i>Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD) tập 1</i>, NXB TDTT, 2008.</p>

		<p>pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn vovinam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn võ Vovinam (tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn; chảo mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam); có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải Vovinam phong trào.</p>	<p>2. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu và các cộng sự, <i>Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD) tập 2</i>, NXB TĐTT, 2011.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Nguyễn Chánh Tứ, <i>Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)</i>, 2014.</p> <p>2. Võ sư Trương Quang An, <i>Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt Võ đạo (song ngữ)</i>, NXB KIEV, 1998.</p>
--	--	--	---

V. Giáo dục quốc phòng			
	<p>Giáo dục quốc phòng (165 tiết)</p>	<p>Đường lối quân sự của Đảng</p> <p>- <i>Nội dung học phần</i>: Quan điểm Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng, an ninh nhân dân; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh; nghệ thuật quân sự Việt Nam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Phân tích được nguồn gốc, bản chất chiến tranh, tính tất yếu và mục tiêu bảo vệ Tổ quốc để nhận thức đúng quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng, an ninh, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh; vận dụng nghệ thuật quân sự trong bảo vệ Tổ quốc.</p> <p>Công tác quốc phòng an ninh</p>	

		<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Phòng chống "diễn biến hòa bình"; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền quốc gia; một số nội dung về dân tộc, tôn giáo và phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo; bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Nhận thức được âm mưu, thủ đoạn và tham gia đấu tranh, phòng chống "diễn biến hòa bình"; vận dụng kiến thức tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh và giữ gìn trật tự xã hội; bảo vệ chủ quyền lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)</p> <p>- <i>Nội dung học phần:</i> Điều lệnh đội ngũ và ba môn quân sự phối hợp; bản đồ quân sự; một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; từng người trong chiến đấu tiên công và phòng ngự, các tư thế vận động trong chiến đấu; tính năng, tác dụng và kỹ thuật bắn súng AK (CKC) với mục tiêu cố định ban ngày.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Thực hiện được các bước, động tác đội ngũ đơn vị; sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí, bản đồ địa hình; vận dụng kiến thức chiến thuật bộ binh; biết phòng,</p>	
--	--	---	--

			tránh vũ khí hủy diệt lớn; thành thạo kỹ thuật băng bó, chuyển thương; biết bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK.	
B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				
I. Kiến thức cơ sở ngành				
16	131076	Ngữ pháp (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phân:</i> Học phần Ngữ pháp bao gồm các nội dung về ngữ pháp tiếng Anh ở mức độ từ cơ bản theo xu hướng ngữ pháp truyền thống và hiện đại (traditional and modern grammar). Học phần đưa ra một số bài học về các chủ điểm ngữ pháp cơ bản và thiết yếu, mang đậm tính thực hành ngữ pháp như: thì, thể, thức, các cấu trúc câu trong tiếng Anh.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có thể vận dụng kiến thức cơ bản về ngữ pháp tiếng Anh ở dạng thực hành và lý thuyết; có cái nhìn tổng thể hơn về kiến thức ngôn ngữ Anh nói chung và ngữ pháp thực hành trong tiếng Anh, có khả năng vận dụng những nội dung đã học vào giải quyết các bài tập ngữ pháp tiếng Anh, viết câu tiếng Anh đúng. Có khả năng nói và viết đúng thì trong tiếng Anh, các dạng cấu trúc căn bản tiếng Anh.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mark Foley and Danie Hall. (2012) <i>MyGrammarLab – Intermediate B1/2</i>. Pearson Education Limited. 2. L.G Alexander (2012) <i>Longman English Grammar Practice, Longman Limited</i> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. L.G Alexander (2012) <i>Longman English Grammar, Longman Limited</i> 2. Thompson, A., Martinetz, A (2012). <i>A Practical English Grammar</i>, Oxford University Press. 3. Nguyen Thanh Minh. (2017) <i>Lectures on Grammar</i>. Hong Duc University
17	132034	Ngữ pháp nâng cao (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phân:</i> Học phần bao gồm các nội dung: từ loại (động từ, danh từ, tính từ, trạng từ, đại từ, mạo từ, số từ, liên từ, giới từ), câu, mệnh đề...; kiến thức ngữ pháp nâng cao học thuật và kiến thức ngữ pháp dùng trong giao tiếp hằng ngày. Mỗi bài học gồm phần lý thuyết</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyen Thanh Minh. (2017) <i>Lectures on Grammar</i>. Hong Duc University 2. Foley, M. & Hall, D. (2012). <i>My Grammar Lab</i>

			<p>và bài tập thực hành nhằm cung cấp đầy đủ kiến thức nền và rèn luyện các kỹ năng cho sinh viên.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) các vấn đề về ngữ pháp như đơn vị ngữ pháp, chức năng cú pháp, từ loại, sự hình thành và cấu tạo từ. Sinh viên có thể phân biệt và sử dụng được các cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh trang trọng và các cấu trúc ngữ pháp dùng trong giao tiếp hằng ngày.</p>	<p>(<i>Advanced C1/C2</i>). Pearson Education Limited.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quirk, R & Greenbaum, S. <i>A University Grammar of English</i>. London; Longman Group Ltd.1973 2. Eastwood, J. <i>Oxford Guide to English Grammar</i>. Oxford: Oxford University Press,1994.
18	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
a	123100	Ngữ âm – Âm vị học (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm các kiến thức cơ bản về ngữ âm tiếng Anh như hệ thống ký hiệu phiên âm quốc tế, trọng âm, ngữ điệu, cao độ, trường độ, các âm vị và biến thể âm vị, thành phần và vị trí của âm tiết trong từ; những đặc điểm cơ bản của phụ âm và nguyên âm, nội dung về các yếu tố siêu đoạn tính vv...</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên phân biệt được các âm vị và biến thể âm vị trong tiếng Anh, các thành tố trong phát âm tiếng Anh như cao độ, trường độ, ngữ điệu, trọng âm; vận dụng những hiểu biết cơ bản về các yếu tố siêu đoạn tính, tự hoàn thiện khả năng phát âm của mình, phát triển khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh và tạo tiền đề cho việc nghiên cứu một số vấn đề cụ thể về Ngữ âm – Âm vị học.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Roach, P (2009) <i>English Phonetics and Phonology</i>. Cambridge: CUP 2. Handcock, M (2003), <i>English Pronunciation in Use</i>. Cambridge: CUP <p>Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Jenkins, J (2000) <i>Phonology of English as an International Language</i>. Oxford: OUP 2. Baker, A (2000) <i>Sheep or Ship</i>. Cambridge: CUP 3. Khoa Anh Việt. <i>Pronunciation Course</i>. Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Quốc Gia Hà Nội
b	132009	Luyện	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Miêu tả và luyện phát âm</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p>

		phát âm tiếng Anh (2 tín chỉ)	<p>các nguyên âm và phụ âm tiếng Anh, phân biệt các âm dài, âm ngắn, âm tắc, âm xát, âm nổ vv... nguyên âm đôi, nguyên âm ba, âm trượt, các hiện tượng nuốt âm, đồng hóa âm trong tiếng Anh. Cách phiên âm và đọc phụ âm cuối. Giới thiệu và rèn luyện cách nhận biết và phát âm trọng âm từ: danh từ, động từ, tính từ vv... và ngữ điệu câu. Rèn luyện ngữ điệu tự nhiên của một số âm đơn giản như câu hỏi, câu chào, câu trần thuật vv...</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có thể nhận biết được và phát âm chính xác các âm tiếng Anh, phiên âm các từ khi nghe âm thanh của từ đó, phân biệt được các hiện tượng như nuốt âm, nối âm vv... trong tiếng Anh.</p>	<p>1. Underhill, A (2005) <i>Sound Foundations Learning and Teaching Pronunciation</i>. Macmillan Education.</p> <p>2. Handcock, M (2003), <i>English Pronunciation in Use</i>. Cambridge: CUP</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Jenkins, J (2000) <i>Phonology of English as an International Language</i>. Oxford: OUP</p> <p>2. Baker, A (2000) <i>Sheep or Ship</i>. Cambridge: CUP</p>
--	--	-------------------------------	---	---

II. Kiến thức ngành

19	132022	Lý thuyết dịch (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm các nội dung về nguyên lý cơ bản trong lĩnh vực dịch thuật, phân loại các hình thức biên – phiên dịch, các phương pháp và kỹ thuật dịch, sự khác biệt giữa dịch thuật Anh - Việt và Việt – Anh, phương pháp đánh giá chất lượng bản dịch.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học vận dụng các kiến thức về khái niệm biên phiên dịch, các bước thực hiện một bản dịch, tiêu chí đánh giá một bản dịch, các nguyên tắc biên phiên dịch, phân tích văn bản, mục đích của tác giả, văn phong, chất lượng văn bản, sắc thái nghĩa biểu vật và biểu niệm, yếu tố văn hoá trong văn bản,</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <p>1. Nguyễn Quốc Hùng. <i>Hướng dẫn kỹ thuật phiên dịch Anh – Việt, Việt – Anh</i>. Nhà xuất bản văn hóa Sài Gòn, 2007</p> <p>2. Bùi Tiến Bảo & Đặng Xuân Thu. <i>Lý thuyết dịch (Interpreting and interpretation Coursebook)</i>. Xưởng in Trường Đại học Hà Nội, 1999.</p> <p>3. Vương Thị Thanh Nhân & Nguyễn Thị Diệu Thúy. <i>Translation Theory</i>. Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2017</p>
----	--------	----------------------------	--	---

			<p>các phương pháp biên phiên dịch, kỹ thuật dịch trong việc thực hiện dịch một văn bản Việt – Anh hoặc Anh – Việt và đánh giá bản dịch.</p>	<p>Tài liệu tham khảo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Gile, D. <i>Basic concepts and models for interpreter and translator training</i>. John Benjamins Publishing Company, Amsterdam/Philadelphia, 1995 2. Trương Quang Phú (2012). <i>Giáo khoa căn bản môn dịch Anh – Việt & Việt – Anh</i>. NXB Đại học Quốc gia TP. HCM. 3. Newmark, P. <i>A textbook of interpretation</i>. Prentice Hall, Singapore, 1988
20	132011	Biên dịch 1 (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Học phần gồm các chiến thuật giải quyết các vấn đề thường gặp khi thực hành dịch như: vấn đề về từ ngữ, số, cách, thể trong tiếng Anh và tiếng Việt; từ vựng và cấu trúc câu liên quan đến nội dung dịch thuật thuộc các lĩnh vực thông thường của cuộc sống như: dân số, giáo dục, môi trường, kinh tế, y tế... - <i>Năng lực đạt được</i>: Người học có thể dịch được đúng và đủ ý các câu, văn bản từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại các văn bản về các chủ đề thông thường của cuộc sống như: dân số, giáo dục, môi trường, kinh tế, y tế vv.... dựa trên kiến thức về từ vựng và các cấu trúc câu thông thường.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Theory of Translation, 2016. <i>Tập tài liệu sử dụng nội bộ</i>. 2. Nguyen Viet Ky. 2002. <i>Translation Practice</i>. Đại Học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội. <p>Tài liệu tham khảo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Minh Thu, Nguyễn Hòa. 2002. <i>Luyện dịch báo chí Anh – Việt</i>. NXB Thời đại / Từ điển Bách khoa. 2. Hữu Ngọc. 2011. <i>Sổ tay người dịch tiếng Anh</i>. NXB Thế giới.
21	132014	Biên dịch	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Học phần gồm các kỹ</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p>

		2 (3 tín chỉ)	<p>năng chuyên sâu hơn về dịch thuật với những văn bản phức tạp hơn ở học phần Biên dịch 1. Các vấn đề được đề cập đến trong học phần gồm: giáo dục, kinh tế, chính trị, văn hoá, thể giới tự nhiên. Học phần chú trọng đến cách diễn đạt ngôn ngữ của người học khi dịch các văn bản với phong cách, thể loại, mục đích khác nhau.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học có thể dịch đúng, đủ, đảm bảo văn phong phù hợp các văn bản thuộc nhiều chủ đề khác nhau dựa trên kiến thức về từ vựng thuộc các lĩnh vực khác nhau như: kinh tế, văn hoá, xã hội, đầu tư, giáo dục, tài chính, tiền tệ, du lịch...., các cấu trúc câu phức tạp và hiểu biết về văn hóa, phong tục tập quán, cuộc sống và con người của Việt Nam và các nước nói tiếng Anh cũng như các quốc gia khác.</p>	<p>1.Theory of Translation, 2016.<i>Tập tài liệu sử dụng nội bộ.</i>(Ký hiệu HLBB 1)</p> <p>2. Nguyen Viet Ky. 2002. <i>Translation Practice.</i>Đại Học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội. (Ký hiệu HLBB2)</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Minh Thu, Nguyễn Hòa. 2002. <i>Luyện dịch báo chí Anh – Việt.</i>NXB Thời đại / Từ điển Bách khoa.</p> <p>2. Hữu Ngọc. 2011. <i>Sổ tay người dịch tiếng Anh.</i> NXB Thế giới.</p>
22	132023	Biên dịch 3 (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm các kỹ năng dịch thuật nâng cao. Các bài dịch sẽ được nâng cao về độ khó, đa dạng về văn phong, thể loại với nhiều loại văn bản khác nhau như thư tín thương mại,, hợp đồng kinh tế, nhãn hiệu, quảng cáo; danh thiếp, các giao dịch kinh doanh, thương mại, báo chí.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học có thể dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại thư tín thương mại, telex, fax và e-mail, dịch nhãn hiệu, quảng cáo; danh thiếp, các giao dịch kinh</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <p>1.<i>Tập tài liệu sử dụng nội bộ</i> do giảng viên biên soạn. Trường Đại học Hồng Đức.</p> <p>2. Nguyễn Thành Yển (2005). <i>Luyện dịch Tiếng Anh thương mại.</i> NXB tổng hợp TP.HCM</p> <p>3. Minh Thu, Nguyễn Hòa (2012). <i>Hướng dẫn đọc và dịch báo chí Anh – Việt.</i>Đại Học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội.</p>

			<p>doanh, thương mại, hợp đồng, bài báo chính xác về mặt nội dung và văn phong dựa trên kiến thức về từ vựng, cấu trúc câu, văn phong thư tín thương mại, telex, fax và e-mail, nhãn hiệu, quảng cáo; danh thiếp, hợp đồng, các giao dịch kinh doanh, thương mại, báo chí.</p>	<p>Tài liệu tham khảo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trịnh Thanh Toàn & Trương Hùng (2008). <i>477 câu luyện dịch Việt – Anh trong giao dịch hằng ngày</i>. NXB Thanh niên 2. The Windy (2013). <i>Cẩm nang luyện dịch Việt - Anh</i>. NXB Đại học quốc gia Hà Nội 3. Nguyễn Thành Yển. (2003). <i>Thực hành phiên dịch Anh – Việt, Việt Anh</i>. Hồ Chí Minh, Việt Nam: NXB Thành phố Hồ Chí Minh
23	132021	Phiên dịch 1	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Học phần bao gồm các nội dung về phương thức nhận diện các cấu trúc câu, các cách dùng từ, chức năng ngôn ngữ, thể loại văn bản... trong tiếng Anh và tiếng Việt. Đồng thời cũng cung cấp thêm lý thuyết về các loại hình phiên dịch, kỹ thuật trong phiên dịch, phẩm chất đạo đức của người làm phiên dịch theo các chủ đề của đời sống xã hội cụ thể như: môi trường, văn hóa, giáo dục, công nghệ, mỹ thuật...</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên dịch được đúng, đủ ý của người nói trong phạm vi 2-5 câu tiếng Anh và tiếng Việt, và trình bày được nội dung đó một cách đầy đủ, chính xác bằng ngôn ngữ đích. Sinh viên ghi nhớ thông tin ở cấp độ 2-5 câu đơn thông qua các bài tập kỹ năng như Nghe-Luyện trí nhớ, Nghe-tóm tắt nội dung,</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. www.spotlightenglish.com 2. Gile, D (1995). <i>Basic Concepts and Models for Interpreter and Translator Training</i>, John Benjamins Publishing Company, Amsterdam/Philadelphia. 3. Tập bài giảng (giáo viên bộ môn biên soạn) <p>Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Morry Sofer (2006). <i>The Translator's Handbook – 6th Revised Edition</i>, Shreiber Publishing: Maryland, USA. 2. Nguyễn Quốc Hùng (2007). <i>Hướng dẫn kỹ thuật phiên dịch Anh – Việt, Việt – Anh</i>, Nhà xuất bản văn hóa Sài Gòn 3. Mikkelsen, H., & Jourdenais, R (2015). <i>The</i>

			Nghe-Ghi nhanh.	<i>Routledge Handbook of Interpreting</i> , New York: Routledge.
24	132031	Phiên dịch 2	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Học phần bao gồm các nội dung về kỹ năng ghi chép ở mức độ chuyên nghiệp của dịch đũa (consecutive) Anh – Việt và Việt – Anh, kỹ năng dịch và diễn giải, kỹ năng thuyết trình và nói trước đũa đồng trong các tình huống dịch thực tế thông qua một số chủ đề về kinh tế, xã hội, môi trường, v.v... Sinh viên cũng thực hành theo nhóm các hội nghị mô phỏng, phỏng vấn, bài giảng, v.v.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên có thể tóm tắt các bài nói tiếng Anh và tiếng Việt dài từ 5 đến 10 câu với ý chính, ý phụ và chi tiết minh họa. Sinh viên phát triển kỹ năng dịch nhanh, chính xác, đủ ý, hiểu hàm ý của người nói các bài phát biểu, phỏng vấn, v.v.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. <i>Tập tài liệu sử dụng nội bộ</i> do giảng viên biên soạn. Đại học Hồng Đức 2. Gile, D (1995). <i>Basic Concepts and Models for Interpreter and Translator Training</i>, John Benjamins Publishing Company, Amsterdam/Philadelphia. 3. Nguyen Ngoc Ninh. (2016). <i>Consecutive interpreting coursebook</i>. Vietnam National University <p>Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Jones. R. (2002). <i>Conference Interpreting Explained</i>. New York, USA: St. Jerome Publishing 2. Australian Institute of Interpreter and Translators – AUSIT (2012). Code of Ethics and Code of Conduct, http://ausit.org/ausit/documents/code_of_ethics_full.pdf accessed on January 3rd 2018 3. Nguyễn Quốc Hùng (2007). <i>Hướng dẫn kỹ thuật phiên dịch Anh – Việt, Việt – Anh</i>, Nhà xuất bản văn hóa Sài Gòn
25	131009	Kỹ năng	- <i>Nội dung học phần</i> : Học phần cung cấp cho	Tài liệu bắt buộc

		Nghe Nói 1 (3 tín chỉ)	<p>người học vốn từ vựng, cấu trúc câu, cách nhận biết và phân biệt một số âm dễ gây nhầm lẫn ở mức độ sơ cấp để nghe hiểu và sử dụng trong những tình huống giao tiếp quen thuộc hàng ngày.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học nghe hiểu và sử dụng được hệ thống từ vựng, áp dụng được các cấu trúc câu đã học vào các tình huống giao tiếp quen thuộc hàng ngày về các chủ đề: giới thiệu bản thân, hoạt động hàng ngày, thể dục thể thao, ẩm thực, ăn uống, phương tiện giao thông, kỳ nghỉ, mua sắm, gia đình, bạn bè, công việc và chỉ dẫn đường. Kết thúc học phần người học đạt bậc 2/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</p>	<p>1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016). <i>Achievers A2</i>. Vietnam News Agency Publishing House</p> <p>2. Jack, C. Richards. (2002). <i>Basic Tactics for Listening - third edition</i>. Culture-Information Press.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. <i>Cambridge Key English Test 5</i>. (2010). Cambridge University Press.</p> <p>2. <i>Cambridge Key English Test 6</i>. (2012). Cambridge University Press.</p> <p>3. <i>Cambridge Key English Test 7</i>. (2014). Cambridge University Press.</p>
26	131032	Kỹ năng Đọc Viết 1(3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần đọc viết một cung cấp cho người học hệ thống từ vựng bao quanh chủ đề như: ẩm thực, sức khỏe, thời trang, văn hóa, thể thao, du lịch, thương mại... Đồng thời người học được trang bị các kỹ năng đọc như khảo sát bài đọc trước khi đọc, đọc nhanh để tìm ý chính của bài đọc, đọc lướt để tìm các thông tin chi tiết, đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh... Người học được cung cấp từ vựng, cụm từ, các loại câu mẫu thường được dùng trong các loại bài viết, mẫu câu theo chủ đề, thực hành viết các loại câu, luyện tập viết các loại văn bản đơn giản như viết thư, bưu thiếp, tin nhắn, thông báo, các đoạn văn ngắn</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016). <i>Achievers A2</i>. Vietnam News Agency Publishing House.</p> <p>2. Neil J. Anderson. (2013). <i>Active Skills for Reading/INTRO</i>, Third Edition. Heine Cengage Learning</p> <p>3. Alice Savage & MasoudShafiei. (2008). <i>Effective Academic Writing 1</i>. Cambridge University Press.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p>

			<p>bằng tiếng Anh trong giao tiếp hàng ngày.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học có năng lực đọc hiểu các bài khóa có văn phong khác nhau về các chủ đề quen thuộc có độ dài từ 200 -300 từ. Người học có thể viết được bản ghi nhớ, viết bưu thiếp, viết thư thân mật, viết một đoạn văn mô tả khoảng 100 từ. Kết thúc học phần người học đạt bậc 1/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</p>	<p>1. <i>Cambridge Key English Test 5.</i> (2010). Cambridge University Press.</p> <p>2. <i>Cambridge Key English Test 6.</i> (2012). Cambridge University Press.</p> <p>3. <i>Cambridge Key English Test 7.</i> (2014). Cambridge University Press.</p>
27	131033	Kỹ năng Nghe Nói 2 (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho người học vốn từ vựng, cấu trúc câu ở mức độ tiên trung cấp để nghe hiểu và sử dụng trong những tình huống giao tiếp liên quan đến nội dung chủ đề bài học như: Sự kiện trong quá khứ, đời sống sinh viên; các vấn đề toàn cầu; các mục tiêu trong cuộc sống; sức khỏe và sở thích; mô tả người và vật; điện ảnh; lễ kỉ niệm; đời sống tuổi vị thành niên; kì nghỉ; dịch vụ; giải quyết vấn đề.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học nghe hiểu và sử dụng được hệ thống từ vựng, áp dụng được các cấu trúc câu đã học vào các tình huống giao tiếp thực tế, diễn đạt khá tự tin khi nói về các chủ đề quen thuộc và không quen thuộc hàng ngày như biết cách kể lại các sự việc đã diễn ra, cách trình bày quan điểm và cách giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc, học tập ...; Kết thúc học phần người học đạt bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016). Achievers B1. Vietnam News Agency Publishing House.</p> <p>2. Jack, C. Richards. (2011). <i>Developing Tactics for Listening.</i> Culture-Information Press.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Cambridge Preliminary English Test 5. (2008). Cambridge University Press.</p> <p>2. Cambridge Preliminary English Test 6. (2010). Cambridge University Press.</p> <p>3. Cambridge Preliminary English Test 7. (2012). Cambridge University Press.</p>

28	131034	Kỹ năng Đọc Viết 2 (3 tín chỉ)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm các bài đọc hiểu về các chủ đề: văn hóa, giáo dục, đời sống, khoa học, nghệ thuật...; các kỹ năng đọc lướt, đoán nghĩa từ, xác định ý chính, ý hỗ trợ, xác định nguyên nhân, kết quả, sự thật, kỹ năng viết câu chủ đề, câu lập luận, viết văn kể chuyện, tường thuật và viết đoạn văn ngắn.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học đọc hiểu được các văn bản về các chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, xác định các kết luận chính trong các văn bản nghị luận, nhận diện mạch lập luận của văn bản đang đọc; Người học biết cách viết đoạn văn có lập luận đơn giản về các chủ đề quen thuộc hoặc mối quan tâm cá nhân bằng cách kết nối các thành tố đơn lập thành bài viết có cấu trúc. Kết thúc học phần người học đạt bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016). <i>Achievers B1</i>. Vietnam News Agency Publishing House. 2. Neil J. Anderson (2013). <i>Active Skills for Reading 1</i>, Third Edition. Heine Cengage Learning 3. Alice Savage & MasoudShafiei. (2008). <i>Effective Academic Writing 1</i>. Cambridge University Press. <p>Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cambridge Preliminary English Test 5. (2008). Cambridge University Press. 2. Cambridge Preliminary English Test 6. (2010). Cambridge University Press. 3. Cambridge Preliminary English Test 7. (2012). Cambridge University Press.
29	131036	Kỹ năng Nghe Nói 3 (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho người học hệ thống các từ vựng, cấu trúc câu, các bài nghe và tình huống giao tiếp luyện kỹ năng nói ở trình độ tiền B2 theo các chủ đề như: cuộc sống sinh viên; những thay đổi trong cộng đồng; những quyết định khó khăn; văn hoá; những câu chuyện kì lạ; sự phát triển của thành</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016). <i>Achievers B1 +</i>. Vietnam News Agency Publishing House. 2. Jack, C. Richards. (2011). <i>Expanding Tactics for Listening - third edition</i>. Oxford University Press.

			<p>phố; các vấn đề toàn cầu...</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học nghe hiểu được các bài nói dài cũng như các lập luận khá phức tạp về các chủ đề quen thuộc và ít quen thuộc, đồng thời sử dụng được các từ vựng và các cấu trúc câu trình độ tiền B2 đã học vào các tình huống giao tiếp thực tế về nhiều chủ đề với các lập luận và cấu trúc mạch lạc cùng với ngôn từ trôi chảy, chính xác. Kết thúc học phần người học đạt tiền bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</p>	<p>Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cambridge Preliminary English Test 8 (2014). Cambridge University Press. 2. Cambridge First Certificate in English 4 (1998). Cambridge University Press. 3. Cambridge First Certificate in English 5 (2001). Cambridge University Press.
30	131037	Kỹ năng Đọc Viết 3 (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm các bài đọc có từ vựng, cấu trúc câu ở mức độ khá phức tạp, những kỹ năng đọc hiểu; cách viết các thể loại thư trang trọng, viết bài luận ngắn thể hiện ý kiến, kể chuyện và nêu nguyên nhân kết quả.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đọc hiểu những bài đọc thực tế đa dạng, khá phức tạp, viết thư trang trọng, viết bài luận ngắn thể hiện ý kiến, kể chuyện và nêu nguyên nhân kết quả. Kết thúc học phần người học đạt tiền bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016). <i>Achievers B1+</i>. Vietnam News Agency Publishing House. 2. Neil J. Anderson (2013). <i>Active Skills for Reading 2</i>, Third Edition. Heine Cengage Learning 3. Alice Savage & Masoud Shafiei. (2008). <i>Effective Academic Writing 2</i>. Cambridge University Press. <p>Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. <i>Cambridge Preliminary English Test 8</i>. (2014). Cambridge University Press. 2. <i>Cambridge First Certificate in English 4</i>. (1998). Cambridge University Press. 3. <i>Cambridge First Certificate in English 5</i>. (2001). Cambridge University Press.
31	131038	Kỹ năng Nghe Nói	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm lượng từ vựng, cấu trúc câu ở mức độ phức tạp, những kỹ</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p>

		4 (3 tín chỉ)	<p>năng nghe nói nâng cao về các chủ đề như: điện ảnh, du lịch, thám hiểm, văn hóa xã hội, khoa học và công nghệ ...</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học nghe hiểu được các bài nói trực tiếp hoặc ghi lại nội dung các chủ đề đã học; hiểu ý chính của các bài nói phức tạp cả về nội dung và ngôn ngữ; theo dõi được bài nói dài cũng như các lập luận phức tạp về các vấn đề xã hội khi bài nói có cấu trúc rõ ràng; giao tiếp độc lập, có lập luận và cấu trúc khá mạch lạc, kết nối giữa các ý trong trình bày, sử dụng ngôn từ khá trôi chảy, chính xác. Kết thúc học phần, người học đạt bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</p>	<p>1. Jane Revell & Ken Wilson. (2016). <i>Achievers B2 – Student’s Book</i>. Vietnam News Agency Publishing House.</p> <p>2. Fiona Aish & Jo Tomlinson (2011). <i>Listening for IELTS</i>. HarperCollins.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Cambridge First Certificate in English 6 (2003). Cambridge University Press.</p> <p>2. Cambridge IELTS Practice Test 9 (2013). Cambridge University Press.</p> <p>3. Cambridge IELTS Practice Test 10 (2015). Cambridge University Press.</p>
32	131039	Kỹ năng Đọc Viết 4 (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm những bài đọc ở mức độ B2 về các chủ đề đa dạng, phức tạp cung cấp cho người học hệ thống từ vựng, cấu trúc câu, chiến thuật đọc hiểu; và cách mô tả đồ thị, biểu đồ hình cột, bảng biểu; cách viết bài luận 5 đoạn phân tích quá trình, nguyên nhân và hậu quả, phân loại.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đọc hiểu những bài đọc thực tế đa dạng, phức tạp; viết bài mô tả đồ thị, biểu đồ hình cột, bảng biểu; viết bài luận 5 đoạn phân tích quá trình, nguyên nhân và hậu quả, phân</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <p>1. Jane Revell & Ken Wilson. (2016). <i>Achievers B2 – Student’s Book</i>. Vietnam News Agency Publishing House.</p> <p>2. Neil J. Anderson (2013). <i>Active Skills for Reading 3, Third Edition</i>. Heine Cengage Learning.</p> <p>3. Alice Savage & Masoud Shafiei. (2008). <i>Effective Academic Writing 3</i>. Cambridge University Press.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Cambridge First Certificate in English 6 (2003).</p>

			loại; Kết thúc học phần người học đạt mức độ bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	Cambridge University Press. 2. Cambridge IELTS Practice Test 9 (2013). Cambridge University Press. 3. Cambridge IELTS Practice Test 10 (2015). Cambridge University Press.
33	131041	Kỹ năng Nghe Nói 5 (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm từ vựng mang tính chất học thuật về cả các chủ đề quen thuộc và không quen thuộc; các cấu trúc ở mức độ cao; và các kỹ năng nghe nói nâng cao như thuyết trình, thảo luận, suy luận.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học nghe hiểu được nội dung những bài nói dài về những chủ đề khá phức tạp ngay cả khi cấu trúc bài nói không rõ ràng và mối quan hệ giữa các ý không tường minh; Khá tự tin khi thuyết trình hay thảo luận về một chủ đề nhất định, biết giải thích và bảo vệ quan điểm của mình một cách rõ ràng, sử dụng khá mềm dẻo vốn từ vựng khi thiếu từ bằng lối nói vòng vo. Kết thúc học phần người học đạt tiên bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle.(2016). Achievers C1. Vietnam News Agency Publishing House.</p> <p>2. Barry Cusach & Sam McCarter (2007). Improve your IELTS Listening and Speaking Skills. Macmillan.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Cambridge Certificate in Advanced English 5. (2003) Cambridge University Press.</p> <p>2. Cambridge IELTS Practice Test 11. (2016). Cambridge University Press.</p> <p>3. Cambridge IELTS Practice Test 12. (2017). Cambridge University Press.</p>
34	131044	Kỹ năng Đọc Viết 5 (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm những bài đọc ở mức độ tiên C1 về các chủ đề đa dạng, phức tạp cung cấp cho người học hệ thống từ vựng, cấu trúc câu, chiến thuật đọc hiểu nâng</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <p>1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016).</p>

			<p>cao; và cách mô tả biểu đồ hình tròn (pie charts), sơ đồ mô tả hoạt động/mối quan hệ (diagrams), sơ đồ tiến trình (flow charts); cách viết bài luận đề xuất giải pháp, nêu nguyên nhân và đề xuất giải pháp, nêu vấn đề và đề xuất giải pháp.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học hiểu tường tận, phân tích, đánh giá các văn bản đa dạng, phức tạp trong đời sống xã hội, trong môi trường công việc hay học thuật; viết bài mô tả biểu đồ hình tròn, sơ đồ mô tả hoạt động/mối quan hệ, sơ đồ tiến trình, viết bài luận đề xuất giải pháp, nêu nguyên nhân và đề xuất giải pháp, nêu vấn đề và đề xuất giải pháp. Có khả năng sáng tạo trong quá trình học học phần Đọc-Viết; Kết thúc học phần người học đạt mức độ tiên bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</p>	<p><i>Achievers C1</i>. Vietnam News Agency Publishing House.</p> <p>2. Els Van Geyte. (2011). <i>Reading for IELTS</i>. HarperCollins Publisher.</p> <p>3. Richard Brown and Lewis Richards (2012). <i>Ielts Advantage Writing Skills</i>. Delta Publishing.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. <i>Cambridge Certificate in Advanced English 5</i>. (2003) Cambridge University Press.</p> <p>2. <i>Cambridge IELTS Practice Test 11 (2016)</i>. Cambridge University Press.</p> <p>3. <i>Cambridge IELTS Practice Test 12 (2017)</i>. Cambridge University Press.</p>
35	131047	Kỹ năng Nghe Nói 6 (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm từ vựng mang tính học thuật liên quan đến nhiều lĩnh vực trong cuộc sống xã hội, cấu trúc câu phức hợp; một số kỹ năng nghe nói nâng cao như tranh luận, thuyết trình, tường thuật.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học hiểu được các bài giảng, bài thuyết trình chuyên ngành có sử dụng lối nói tự nhiên và các yếu tố văn hóa hoặc các thuật ngữ không quen thuộc; Hiểu được những vấn đề phức tạp; truyền đạt chính xác các sắc thái ý nghĩa tinh tế; Thay đổi được cách diễn</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <p>1. Sally Burgess & Amanda Thomas. (2014). <i>Gold Advanced</i>. Pearson Longman.</p> <p>2. Guy Brook Hart & Vanessa Jakeman. (2013). <i>Complete IELTS C1</i>. Cambridge University Press.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Cambridge Certificate in Advanced English 6.</p>

			đạt để tránh gặp khó khăn khi giao tiếp một cách trôi chảy. Kết thúc học phần người học đạt bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	(2006) Cambridge University Press. 2. Cambridge English IELTS 13. (2018). Cambridge University Press. 3. Cambridge English IELTS 14. (2019). Cambridge University Press.
36	131048	Kỹ năng Đọc Viết 6 (3 tín chỉ)	<i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm những bài đọc ở mức độ C1 về các chủ đề đa dạng, phức tạp cung cấp cho người học hệ thống từ vựng, cấu trúc câu, chiến thuật đọc hiểu nâng cao; và cách mô tả sơ đồ quy trình (processes), bản đồ (maps), sơ đồ/ biểu đồ kết hợp; cách viết bài luận phân tích thuận lợi và khó khăn, thể hiện ý kiến, thảo luận hai mặt của một vấn đề. <i>Năng lực đạt được:</i> Người học hiểu tường tận, phân tích, đánh giá các văn bản đa dạng, phức tạp trong đời sống xã hội, trong môi trường công việc hay học thuật; có thể viết bài mô tả sơ đồ quy trình, bản đồ, sơ đồ/ biểu đồ kết hợp; viết bài luận phân tích thuận lợi và khó khăn, thể hiện ý kiến, thảo luận hai mặt của một vấn đề.	Tài liệu bắt buộc 1. Sally Burgess & Amanda Thomas (2014). <i>Gold Advanced</i> . Pearson Longman. 2. Sam McCarter & Norman Whitby (2007). <i>Improve your IELTS Reading Skills</i> . Macmillan. 3. Young Kim. (2012). <i>The best preparation for IELTS writing</i> . Nhan Tri Viet Publishing House. Tài liệu tham khảo: 1. <i>Cambridge Certificate in Advanced English 6</i> . (2006) Cambridge University Press. 2. <i>Cambridge English IELTS 13</i> . (2018). Cambridge University Press. 3. <i>Cambridge English IELTS 14</i> . (2019). Cambridge University Press.
37	132033	Phiên dịch 3	- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm các nội dung về ứng dụng các kiến thức, kỹ năng dịch nâng cao nhằm hoàn thiện khả năng dịch đuổi thông qua việc thực hành đa dạng các chủ đề: di dân, WTO, chính trị, vv. Bên cạnh đó,	Tài liệu bắt buộc: 1. <i>Tập tài liệu sử dụng nội bộ</i> do giảng viên biên soạn. Đại học Hồng Đức 2. Andrews Gillies (2013). <i>Conference Interpreting: A students' Practice Book</i> . New York: Routledge.

			<p>học phần cũng giới thiệu và đi sâu vào chuyên đề dịch song song (Simultaneous) thông qua những nội dung gần gũi với cuộc sống kết hợp với một số nội dung về kinh tế, xã hội, v.v.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hoàn thiện kỹ năng dịch đuổi đồng thời có thể hiểu rõ các yếu tố cần thiết để dịch trực tiếp hiệu quả. Sinh viên cũng trang bị thêm cho mình lượng kiến thức về từ vựng, cấu trúc câu cần thiết để hiểu và dịch chính xác bài nói và giữ nhịp độ hợp lý với người nói.</p>	<p>3. www.bbc.co.uk</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Thành Yên. (2003). <i>Thực hành phiên dịch Anh – Việt, Việt Anh</i>. Hồ Chí Minh, Việt Nam: NXB Thành phố Hồ Chí Minh 2. Mikkelson, H., & Jourdenais, R. (2015). <i>The Routledge Handbook of Interpreting</i>. New York: Routledge 3. Australian Institute of Interpreter and Translators – AUSIT (2012). Code of Ethics and Code of Conduct, http://ausit.org/ausit/documents/code_of_ethics_full.pdf accessed on January 3rd 2018
III. Kiến thức bổ trợ				
38	233056	Kỹ năng thuyết trình (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm những kiến thức cơ bản về thuyết trình học thuật trong tiếng Anh: các dạng bài thuyết trình, phương pháp thuyết trình, thủ thuật và kỹ thuật trong thuyết trình, các bước chuẩn bị một bài thuyết trình. Ngoài ra học phần còn gồm những nội dung cơ bản như những vấn đề thường gặp trong khi thuyết trình, xây dựng kế hoạch thuyết trình, chuẩn bị bài thuyết trình gồm cách chuẩn bị các bài phát biểu thuộc các thể loại khác nhau, cách chuẩn bị và sử dụng phần mềm PowerPoint, trình bày bài thuyết trình, các kỹ năng của thuyết trình viên khi nói trước đông người, cách sử dụng ngôn ngữ cử chỉ của cơ thể trong khi thuyết trình.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mark Powell (2003) <i>Presenting in English</i>. Cambridge University Press 2. Susan M.Reinhart (2002). <i>Giving Academic Presentations</i>. The university of Michigan Press. 3. Johanna Rendle-Short (2004). <i>The academic presentation: situated talk in action</i>. Oxford: Oxford University Press <p>Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Angela Murray, <i>Thuyết trình chuyên nghiệp</i>, Nxb

			<p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học vận dụng được những kiến thức cơ bản môn học vào giải quyết các vấn đề trong quá trình chuẩn bị và trình bày bài thuyết trình bằng các loại ngôn ngữ lời nói và phi lời nói trong thuyết trình để nâng cao năng lực ngôn ngữ một cách hiệu quả, thực hiện được những bài thuyết trình ngắn hoặc dài có liên quan đến các chuyên ngành học khác nhau một cách thuyết phục và chuyên nghiệp.</p>	<p>Thanh Hóa.</p> <p>2. Đỗ Thùy Vân – Vũ Thu Phương (2007), Nghệ thuật thuyết phục, Nxb Thống kê.</p> <p>3. Ths. Nguyễn Thị Oanh (2007), Làm việc theo nhóm, Nxb Trẻ.</p> <p>4. Lani Arredondo (2007), Kỹ năng giao tiếp tối ưu, Nxb Tổng hợp.</p>
39	131085	Văn hoá Anh – Mỹ (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Khái quát về lịch sử nước Anh và Mỹ; giá trị văn hoá; phong tục, tập quán, các ngày lễ hội chính của nước Anh, nước Mỹ và hệ thống chính trị, giáo dục của các nước Anh và Mỹ. Học phần bao gồm các bài tập ứng dụng kiến thức môn học trong giao tiếp liên ngôn và nghiên cứu trong lĩnh vực văn hóa ngôn ngữ.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên trình bày được các vấn đề về lịch sử, văn hóa các nước Anh – Mỹ, hệ thống giáo dục, chính trị, thể lệ bầu cử trong các quốc gia này. Sinh viên ứng dụng kiến thức môn học trong giao tiếp bằng tiếng Anh, có thể thực hiện nghiên cứu về văn hóa, xã hội, giáo dục, v.v... Môn học tạo môi trường học tập tích cực, chủ động thông qua các hoạt động nhóm, thuyết trình theo chủ đề hàng tuần.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1. James O'driscoll. 2012. Britain for Learners of English. Oxford University Press</p> <p>2. Datesman, K. M., Crandall, J., & Kearny, N. E. 2014. American Ways an Introduction to American Culture (3rd Ed). Pearson Education. Inc</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Falk, R. 2014. Spotlight on the USA. Oxford University Press</p> <p>2. Fielder, E., Jansen, R., & Norman-Risch, M. 2014. American in close-up. Longman</p> <p>3. Abraham, P., & Mackey, D. 2014. Contact USA. Prentice Hall Regents.</p>

40	132058	Văn học Anh – Mỹ	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Giới thiệu sơ lược về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của một số tác giả tiêu biểu của văn học Anh, văn học Mỹ thế kỷ 19, 20.</p> <p>- Giới thiệu các thể loại văn học: tiểu thuyết, truyện ngắn, kịch và thơ.</p> <p>- Giới thiệu cho sinh viên làm quen với phong cách viết của một số nhà văn Anh, nhà văn Mỹ và hiểu được giá trị hiện thực của các tác phẩm.</p> <p>- Giới thiệu một số tác phẩm/ đoạn trích tiêu biểu.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học vận dụng được những phong cách viết của một số nhà văn Anh, nhà văn Mỹ để đánh giá được giá trị hiện thực của các tác phẩm. Phân tích được một số tác phẩm thuộc các thể loại văn học: tiểu thuyết, truyện ngắn, kịch và thơ.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyen Xuan Thom. (2015). A History of English and American Literature. The Gioi Publishers. 2. Vu Thi Loan (2011). English and American Literature. Tai lieu luu hanh noi bo. <p>Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Kim Loan. (2015). History of English Literature. NXB Giáo dục 2. Nguyễn Kim Loan. (2015). English Literature. NXB Giáo dục 3. Griffith. B.W. (2012). English Literature. Barron's
41	132069	Từ vựng – Ngữ nghĩa học (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Người học được cung cấp những định nghĩa, khái niệm quan trọng trong từ vựng, ngữ nghĩa học với các cấp độ ngôn ngữ như morphemes, forms, words, phrases, expressions, sentences, utterances, ...; ở các cấp độ nghiên cứu như cấu trúc của từ và các phương thức cấu tạo từ trong tiếng Anh như shortening, conversion, derivation, compounding, affixation, ...; cách thức kết hợp từ, nguồn gốc và lịch sử của từ tiếng Anh; nghĩa của từ với nghĩa trực tiếp, nghĩa chuyển đổi, nghĩa trong cụm từ, nghĩa ngữ pháp – từ vựng,</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hoàng Tất Trường, 2013. <i>Từ vựng học cơ bản tiếng Anh</i>. NXB ĐHNN –ĐHQG: HN 2. Nguyễn Hoà, 2004. <i>Understanding English Semantics</i>. NXB ĐHQG Ha Noi: HN <p>Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Võ Đại Quang, 2003. <i>Lectures on Semantics</i>. NXB ĐHQG Ha Noi: HN

			<p>...; nghĩa của câu và nghĩa của phát ngôn. Người học đồng thời tìm hiểu về các kiểu biên soạn từ điển trong tiếng Anh và các loại từ điển tiếng Anh.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Phân tích cấu trúc của từ, cấu tạo của từ, vận dụng cách cấu tạo từ để lựa chọn, tạo từ mới từ phần từ cho sẵn như phương thức tạo từ mới thông qua việc rút gọn từ, viết tắt, thêm tiền tố - hậu tố, chuyển từ loại, mô phỏng theo âm thanh; Phân tích nghĩa của từ, cấu trúc tiếng Anh để xác định sự chuyển nghĩa thông qua các hình thức khác nhau như phép ẩn dụ, hoán dụ, lối nói phóng đại, nói lái, nói tránh, dùng uyển ngữ; Phân tích nghĩa của câu (cấu trúc sâu), nghĩa của phát ngôn trong mối liên hệ với ngữ cảnh để có thể vận dụng những hiểu biết này trong việc sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp một cách hiệu quả.</p>	<p>2. Stuart Redman, 2013. <i>English vocabulary in use</i>. Cambridge University Press: Cambridge (NXB Trẻ. HN)</p>
42	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
a	132065	Ngữ dụng học (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Kiến thức cơ bản về các phạm trù ngữ dụng học như: mối quan hệ giữa các hình thái ngôn ngữ và người sử dụng chúng, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và ngữ cảnh, chỉ xuất và khoảng cách, hàm ngôn, tiền giả định, nguyên tắc cộng tác và các phương châm hội thoại, v.v...</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên vận dụng được các phạm trù của ngữ dụng học như: tiền giả định, nguyên tắc hợp tác trong hội thoại, vào</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <p>1. George Yule. (2003) <i>Pragmatics</i>. London: OUP</p> <p>2. Jacob L. Mey (2001), <i>Pragmatics: An Introduction</i>. Blackwell</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>1. Grice, H.P (2013), <i>Studies in the way of words</i>,</p>

			các phương châm hội thoại của Grice, để phân tích được mối quan hệ giữa ngôn ngữ và ngữ cảnh, hiểu được nghĩa hàm ngôn, v.v...trong sử dụng ngôn ngữ.	Harvard Uni. Press, USA.
b	132027	Phong cách học (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Học phần bao gồm các vấn đề về lịch sử môn phong cách học, hệ thống biện pháp tu từ tiếng Anh, phong cách chức năng tiếng Anh v.v... Phong cách học chiếm vị trí chủ chốt trong việc nâng cao và hoàn chỉnh kiến thức về ngôn ngữ mà sinh viên đã tích lũy được từ môn kỹ năng tiếng Anh như Ngữ âm, Từ vựng, Ngữ pháp.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Người học nắm vững được kiến thức về hệ thống phong cách chức năng tiếng Việt, các phương thức tu từ tiếng Anh đồng thời rèn luyện những kỹ năng thực hành phân tích, sử dụng các chuẩn phong cách một cách sáng tạo, trau dồi khả năng hiểu biết về phong cách sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <p>1. Biber, Douglas, Susan Conrad and Randi Reppen. <i>Corpus Linguistics: Investigating Language Structure and Use</i>. (Cambridge Approaches to Linguistics). Cambridge: Cambridge UP, 2004. Bickerton, D. See English structuralism.</p> <p>2. Birch, David. <i>Language, Literature, and Critical Practice: Ways of Analysing Text</i>. London: Routledge, 2014</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Nigel Fabb, Nigel, Derek Attridge, and Colin MacCabe, eds. <i>The Linguistics of Writing: Arguments between Language and Literature</i>. Manchester: Manchester UP, 2010</p> <p>2. Graf, Eva, and Willie van Peer. "Between the Lines: Spatial Language and its Developmental Representation in Stephen King's IT." In <i>Cognitive Stylistics</i>. Ed. Elena Semino and Jonathan Culpeper. Amsterdam: Benjamins, 2002. 123-52</p>

43	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
a	132060	Tiếng Anh kinh tế (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm các khái niệm cơ bản trong kinh tế như: các nguồn lực kinh tế, chu trình kinh tế, hàng hóa và dịch vụ, sự khan hiếm, phí cơ hội, cung-cầu, việc tổ chức nền kinh tế thị trường, vai trò của chính phủ và vai trò của thị trường trong nền kinh tế. Học phần cung cấp vốn từ vựng phong phú liên quan đến kinh tế và thương mại, hiểu được ý nghĩa của các thuật ngữ thương mại. Ngoài ra người học còn được cập nhật tình hình kinh tế hiện tại của đất nước thông qua các bản tin kinh tế trong đó người học sẽ trình bày và giải quyết những vấn đề kinh tế nổi cộm và tuân theo xu hướng nhất định từ đó phân tích tình hình tổng quan, nguyên nhân, tác động và giải pháp.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học sử dụng thành thạo ngôn ngữ thuộc lĩnh vực kinh tế trong giao tiếp cơ bản và xử lý các văn bản tiếng Anh liên quan đến lĩnh vực kinh tế như thư tín, các hợp đồng kinh tế đơn giản.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bill Mascull (2003) <i>Business vocabulary in use</i>. Cambridge University Press 2. C.J. Moore et al (2004). <i>Enterprise One</i>. Nhà xuất bản Hải Phòng 3. Thom, Nguyễn Xuân (2008). <i>English for economics</i>. ĐH Ngoại ngữ - ĐHQGHN <p>Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Judy West, (2001). <i>Finance-banking</i>. Oxford University Press 2. Larson (1997). <i>Short and Sweet - Quick Creative Writing Activities That Encourage Imagination, Humor and Enthusiasm for Writing</i>. Colorado: Cottonwood Press, Inc. 3. Hadfield, J., & Hadfield, Ch., (1996). <i>Simple Speaking Activities</i>. Oxford: Oxford University Press 4. Mayen.J.C. (2002). <i>The market economy</i>. Condo Orlan Press.
b	132061	Tiếng Anh du lịch (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm các chủ đề liên quan tới lĩnh vực du lịch và khách sạn; bao quát toàn bộ các khái niệm về chuyên ngành du lịch, khách sạn, lữ hành. Các từ vựng, các chủ</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Professional English for Tourism Training - Textbook KS1 + KS2. Hanoi Open University -Faculty

			<p>đề phù hợp để phát triển 4 kỹ năng giao tiếp trong ngành quản lý du lịch, khách sạn và lữ hành. Các cấu trúc câu chuyên ngành ứng dụng trong du lịch – khách sạn – nhà hàng và các thì, thể của động từ...trong tiếng Anh. Bài học miêu tả các hành vi văn hoá giao tiếp không bằng lời nói (non-verbal cues), những kiến thức về mẫu văn hoá (culture patterns).</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có những hiểu biết căn bản về ngành quản trị du lịch khách sạn và hướng dẫn du lịch bằng tiếng Anh. Sử dụng và phát triển vốn từ vựng chuyên ngành để đọc tài liệu và giao tiếp trong lĩnh vực quản lý du lịch, khách sạn và lữ hành. Giao tiếp được bằng tiếng Anh với các chủ điểm thực trong cuộc sống. Nghe hiểu và diễn đạt trôi chảy những nhu cầu thiết yếu của cuộc sống, nét văn hóa bằng tiếng Anh ở mức độ tự nhiên và linh hoạt. Có khả năng viết diễn đạt lại, kể lại sự kiện, miêu tả người, địa điểm, các vật thể, miêu tả lại những sự kiện phức tạp, trần thuật lại được ý của người khác</p>	<p>of Tourism. 2007</p> <p>2. English for International Tourism – Textbook and Workbook. Longman Press. England. 2007.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Jack C. Richards. New Interchange 2 Cambridge University Press. 2001</p> <p>2. Trish Stott & Angela Buckingham. At your Service. Oxford University Press. 2009.</p> <p>3. Michael Duckworth. High Season. Oxford University Press. 2009.</p> <p>4. Rod Revell & Trish Stott. Highly Recommended. Oxford University Press. 1996</p>
44	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
a	132052	Giao thoa văn hoá (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm các bài học theo nội dung đã được chọn lọc về giao tiếp giao văn hoá của người ở các nước nói tiếng Anh gồm: các thuật ngữ và nguyên tắc khi học môn học; chào hỏi, tự giới thiệu, giao tiếp bằng mắt, bắt tay, trò chuyện sau làm quen (small</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <p>1. Nguyen Quang. (2001). Inter – cultural communication. NXB ĐHQG Hà Nội.</p> <p>2. Ellits, C. (2002). Culture shock! Vietnam. Time</p>

		<p>talks), đề tài nói chuyện sau làm quen, khoảng cách khi nói chuyện với người lạ, cấu trúc hội thoại (conversation patterns) và phong cách hội thoại (conversation styles) của các nước nói tiếng Anh so sánh với cấu trúc hội thoại và phong cách hội thoại của người Việt Nam, giao tiếp không dùng lời nói (non-verbal communications) bao gồm các cử chỉ và ngôn ngữ cơ thể khi giao tiếp, xung đột văn hoá, sốc văn hoá và sự điều chỉnh để thích nghi...</p> <p>Ngoài ra, học phần cũng góp phần nâng cao các kỹ năng toàn diện cho sinh viên trong việc học tiếng Anh, thông qua việc nghe giảng bằng tiếng Anh, đọc hiểu tài liệu bằng tiếng Anh, làm bài tập lớn bằng tiếng Anh và trình bày một vấn đề liên quan đến những nội dung trên bằng ngôn ngữ đích. Bên cạnh đó, người học còn được tạo điều kiện được thực hành một số kỹ năng giao tiếp văn hoá các nước nói tiếng Anh sau khi học lý thuyết.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sau khi học xong người học sử dụng được các quy tắc giao tiếp, cấu trúc giao tiếp và phong cách giao tiếp bằng tiếng Anh của những người bản ngữ. Đồng thời, người học phân biệt được đặc điểm khác biệt trong văn hóa giao tiếp giữa người Việt với người ở các nước nói tiếng Anh để tránh những lỗi khi giao tiếp với người các nước nói tiếng Anh. Người học có kỹ năng thu thập và xử lý</p>	<p>Books International.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Athen, G. (2002). American ways. International Press Inc. 2. Nguyễn Văn Thêm. (2000). Cơ sở văn hoá Việt Nam. NXB Văn Hoá.
--	--	---	--

			<p>thông tin, sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp. Có thể điều tiết trong giao tiếp như: chào hỏi, tự giới thiệu, hiểu rõ về cấu trúc hội thoại, phong cách hội thoại và ngôn ngữ cơ thể và cử chỉ khi giao tiếp không dùng lời nói của các nước nói tiếng Anh. Hiểu biết về xung đột văn hoá, sốc văn hoá và biết cách nhận biết và điều chỉnh để thích nghi khi bị sốc văn hóa khi giao tiếp với người bản ngữ.</p>	
b	132053	Giao tiếp liên văn hoá (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Học phần bao gồm các bình diện nội ngôn, cận ngôn, ngoại ngôn thể hiện trong giao tiếp văn hoá và nội văn hoá. Môn học chú ý đến Dụng học giao văn hoá với các với các bình diện phạm trù như lịch sử, trực tiếp gián tiếp, mô hình tư duy văn hoá, quyền lực thể hiện trong giao tiếp , v.v. dựa trên khung lý thuyết và các nghiên cứu của Hofstede, Brown & Levinson, Kaplan, Clyne, Saville-TRoike, Levine & Adelman, Ting-Toomey và Nguyễn Quang.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Người học vận dụng được các nội dung cơ bản của học phần vào việc sử dụng và nghiên cứu ngôn ngữ, vận dụng được các bình diện như lịch sử, trực tiếp gián tiếp, mô hình tư duy văn hoá, quyền lực thể hiện trong giao tiếp vv... vào giao tiếp của bản thân.</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc</i></p> <ol style="list-style-type: none"> Holliday A., Martin H., and John K. (2004). Intercultural communication- an Advanced resource book. Routledge Applied Linguistic Series. Hofstede, G. (2004). Cultures and organizations: Software of the mind. London: Mc Graw – Hill Book Company. <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <ol style="list-style-type: none"> James O’Driscoll (2009) Britain for Learners of English. Understanding the country and its culture. Oxford University Press. Maryanne K, JoAnn C & Edward N (2005) American Ways. An Introduction to American Culture
45	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			

a	132024	Ngôn ngữ học tri nhận (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm những kiến thức nền tảng nhất của ngôn ngữ học tri nhận như sự ra đời, các xu hướng chính, các nguyên lí của ngôn ngữ học tri nhận, ý niệm và ý niệm hóa, phạm trù và phạm trù hóa, ẩn dụ và hoán dụ tri nhận, phạm trù xuyên tâm, kết cấu, vấn đề hình/nền, mối quan hệ giữa ngôn ngữ-tri nhận-văn hóa. Nội dung giáo trình hướng vào những vấn đề tranh luận mà ngôn ngữ học tri nhận đặt ra đối với tiếng Việt, nhằm kêu gọi lòng yêu thích tranh luận và khám phá khoa học của sinh viên.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học vận dụng được những kiến thức nền tảng của ngôn ngữ học tri nhận trong nghiên cứu và sử dụng ngôn ngữ. Có tư duy phản biện để đánh giá những vấn đề môn học đặt ra.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lý Toàn Thắng. Ngôn ngữ học tri nhận: từ lí thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt. Nxb KHXH, H. 2005 2. David Lee. Cognitive Linguistics-An Introduction. Nxb Oxford, 2001 <p>Tài liệu tham khảo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trần Văn Cơ. Ngôn ngữ học tri nhận (Ghi chép và suy nghĩ). Nxb. Khoa học 2007 2. Nguyễn Văn Hiệp. Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp. Nxb Giáo dục, H. 2007.
b	132063	Phân tích diễn ngôn (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm các bài học về các vấn đề cơ bản trong phân tích diễn ngôn tiếng Anh như: khái niệm về diễn ngôn và phân tích diễn ngôn (sơ lược), ngôn cảnh và vai trò của ngôn cảnh trong phân tích diễn ngôn, đặc biệt là diễn ngôn nói; liên kết và mạch lạc và mối liên hệ của chúng; tiền giả định, hàm ý hội thoại, nguyên tắc hợp tác hội thoại của Grice; các thành tố của hành động ngôn từ trong lời nói hàng ngày; chủ đề và khung chủ đề của diễn ngôn, cấu trúc thông tin đã biết và thông tin mới, cấu trúc đề/thuyết (sơ lược); các cách sơ</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Hoà (2000). Introduction to Discourse Analysis. Hà Nội: NXB Đại học quốc gia Hà Nội 2. Hoàng Văn Vân. (2005). Introducing Discourse Analysis. Hà Nội: NXB Đại học quốc gia Hà Nội <p>Tài liệu tham khảo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nunan, D. (2013). Introducing Discourse Analysis.

			<p>đồ hoá một diễn ngôn; vai trò của lý thuyết nền trong việc diễn giải một diễn ngôn; các đường hướng phân tích diễn ngôn trong nghiên cứu tiếng Anh với vai trò là một ngoại ngữ.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên vận dụng được những kiến thức cơ bản về diễn ngôn, các đường hướng nghiên cứu diễn ngôn để nghiên cứu các vấn đề về việc sử dụng ngôn ngữ nói và viết trong tiếng Anh và nghiên cứu ngôn ngữ.</p>	<p>London: Penguin.</p> <p>2. Jaworski, A & Coupland, N. (2015). <i>The Discourse Reader</i>. London and New York: Routledge.</p>
IV. Thực tập và khoá luận tốt nghiệp				
46	132010	Thực tập tốt nghiệp (5 tín chỉ)	<p>Sinh viên có cơ hội cọ xát với công việc thực tế sử dụng ngôn ngữ Anh, đặc biệt công tác biên phiên dịch; Có cái nhìn tổng quát về cách thức tổ chức hoạt động và quản lý tại một công ty, doanh nghiệp; Sinh viên có khả năng tư duy, phát huy tối đa khả năng trí tuệ của mình, ứng dụng kiến thức đã học và cập nhật những kiến thức, kỹ năng mới theo yêu cầu của công việc. Sinh viên có cơ hội nâng cao tác phong làm việc chuyên nghiệp, khả năng làm việc độc lập, tinh thần làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp hiệu quả.</p>	
47	132068	Khoá luận tốt nghiệp (6 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phân</i>: Sinh viên được tự lựa chọn một đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực dạy học tiếng Anh hoặc ngôn ngữ Anh dưới sự tư vấn của giảng viên hướng dẫn và hội đồng xét duyệt đề cương của bộ môn. Sinh viên được sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn sẽ thực hiện nghiên cứu với các phương pháp nghiên</p>	

			<p>cứu cơ bản trong khoa học xã hội và đạt được một báo cáo khoa học có chất lượng của ngành đào tạo.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên thực hiện nghiên cứu các vấn đề từ góc độ phương pháp dạy học tiếng Anh và ngôn ngữ Anh.</p>	
48	<i>Học phân thay thế khoá luận (chọn 2 trong 5 học phân)</i>			
a	132075	Ngôn ngữ học đối chiếu (3 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phân: Học phân bao gồm các nội dung về: Các khái niệm liên quan đến ngôn ngữ học đối chiếu: khái niệm về so sánh đối chiếu trong ngôn ngữ, các phương pháp và tiêu chí so sánh đối chiếu ngôn ngữ, các thao tác và thành tố sử dụng ngôn ngữ trong quá trình so sánh đối chiếu ngôn ngữ.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên so sánh đối chiếu một số phạm trù trong ngôn ngữ giữa tiếng Anh và tiếng Việt như ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc ngôn ngữ, ngôn ngữ và hành vi giao tiếp và thực hiện nghiên cứu trên cơ sở nhận biết được những tương đồng và dị biệt giữa tiếng Anh và tiếng Việt.</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc::</i></p> <p>1. Chesterman, A. (2012). <i>Contrastive functional analysis</i>. Amsterdam – Philadelphia: John Benjamins.</p> <p>2. James, C. (2015). <i>Contrastive analysis</i>. London: Longman</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>1. Bùi Mạnh Hùng. (2008). <i>Ngôn ngữ học đối chiếu</i>. NXB Giáo dục, Tp. Hồ Chí Minh.</p> <p>2. Nguyễn Thiện Giáp. (2010). <i>Các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ</i>. NXB Giáo dục.</p>
b	132008	Công nghệ trong dịch thuật	<p>- <i>Nội dung học phân:</i> Học phân bao gồm các vấn đề về tầm quan trọng của công nghệ trong dịch thuật, kỹ năng xử lý văn bản sử dụng các phần mềm, định dạng tập tin và phục hồi bộ nhớ</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc</i></p> <p>1. Austermühl, Frank. 2001. <i>Electronic tools for translators</i>. Manchester: St. Jerome</p>

		(3 tín chỉ)	<p>dịch. Cách sử dụng cabin dịch, cách cài đặt và ứng dụng một số phần mềm dịch.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học nắm vững được kiến thức căn bản về ứng dụng công nghệ thông tin trong dịch thuật. Thực hiện được các thao tác với văn bản nói, viết như: lồng tiếng trong file audio, chèn âm thanh và hình ảnh trong file video thông qua ứng dụng các phần mềm. Ứng dụng các phần mềm trực tuyến và không trực tuyến như Ginger, Babylon vv... để hỗ trợ công tác dịch thuật. Biết thao tác và sử dụng thành thạo các phương tiện như dịch cabin vv...</p>	<p>Publishing.</p> <p>2. Allen, Jeff. 2003. "Post-editing". Harold Somers, ed. Computers and Translation. A Handbook for Translators. Amsterdam: John Benjamins</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Bowker, Lynne. 2002. Computer-Aided Translation Technology. A Practical Introduction. Ottawa: Presses de l'Université d'Ottawa.</p> <p>2. Somers, Harold ed. 2003. Computers and Translation. A Handbook for Translators: John Benjamins. Translation Studies.</p>
c	132028	Ngôn ngữ học xã hội (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về Ngôn ngữ học xã hội (Socio-linguistics) như bối cảnh ra đời, đối tượng, nhiệm vụ, mục đích, phương pháp nghiên cứu; các khái niệm cơ bản như biến thể, biến ngôn ngữ, cảnh huống ngôn ngữ, sự lựa chọn ngôn ngữ, các nhân tố và chiều kích xã hội v.v; các nội dung nghiên cứu của ngôn ngữ học xã hội vĩ mô và ngôn ngữ học xã hội vi mô. Bên cạnh đó, môn học cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội để ứng dụng vào nghiên cứu ngôn ngữ.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên sẽ được làm</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1. Anthony C. Oha (2010), Bùi Diễm Hạnh (biên soạn), <i>Introduction to Sociolinguistics</i>. Nigeria: National Open University Press.</p> <p>2. Trudgill, P. (2000), <i>Sociolinguistics: An Introduction to Language and Society</i>, London: Penguin Books.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Coulmas, F. (1997), <i>The Handbook of</i></p>

			<p>quen với những khái niệm nhau: Speech Communities, Speech Acts and Speech Events. Bên cạnh đó, sinh viên nắm được nét văn hóa trong giao tiếp của một số ngôn ngữ khác nhau trong xã hội; trước tiên phải kể đến tiếng Anh chuẩn, sau đó là tiếng lóng, biệt ngữ, vvv</p>	<p><i>Sociolinguistics</i>, Oxford: Blackwell.</p> <p>2. Wardhaugh, R. (2002), <i>An Introduction to Sociolinguistics</i>, London: Blackwell Publishing.</p> <p>3. Olaoye, A. A. (2007), <i>Introduction to Sociolinguistics</i>, Abuja: Ogunleye Publishing and Printing Press.</p>
d	132037	Văn hoá doanh nghiệp (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Học phần Văn hoá doanh nghiệp (Cross-cultural business communication) bao gồm các khái niệm về văn hoá, liên văn hoá, văn hoá công sở, doanh nghiệp của Việt Nam và của các doanh nghiệp nói tiếng Anh. Ngoài ra, học phần còn giúp người học phân biệt đặc trưng trong giao tiếp của các nền văn hoá, các cách thức giao tiếp của những người thuộc các nền văn hoá khác nhau. Bên cạnh đó, học phần cung cấp thêm các nội dung nhằm đưa ra những gợi ý để giải quyết một số vấn đề thường gặp khi sống và làm việc trong một môi trường đa văn hoá như sốc văn hoá, rào cản về ngôn ngữ và những hạn chế trong hiểu biết về ngôn ngữ cử chỉ.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Người học nắm vững các khái niệm về văn hoá, liên văn hoá, giao tiếp liên văn hoá và vận dụng được những kiến thức này trong việc giao tiếp khi làm việc với các cá nhân đến từ các quốc gia hoặc nền văn hoá khác.</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <p>1. John N. Hooker (2008). Cultural Differences in Business Communication. Carnegie Mellon University.</p> <p>2. Simon Sweeny (2008). English for Business Communication. CUP.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>1. Dibyendu Prasad Sahu, Tamizhselvam, K. Rajan & Chitra Prasad Rao (2011). Cross-cultural Business Management. India: Pondicherry University.</p> <p>2. Edgar H. Schein (2004). Organizational Culture and Leadership (3rd ed.). Jossey-Bass.</p>

e	132210	Tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản, kiến thức cơ bản, khái quát về cơ sở lý luận và thực tiễn nghiên cứu trong lĩnh vực Tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai (Second Language Acquisition – SLA). Đồng thời, kích lệ sự quan tâm của người học vào việc học tập và nghiên cứu lĩnh vực này, phục vụ cho công tác học tập và giảng dạy của sinh viên sau khi ra trường.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hiểu được, nắm được cơ bản về cơ sở lý luận và thực tiễn nghiên cứu trong lĩnh vực SLA, phát triển được vốn từ vựng về lĩnh vực ngôn ngữ, có khả năng tổng hợp tài liệu, kỹ năng trình bày trước đám đông về các nội dung liên quan đến sự tiếp thụ ngôn ngữ thứ 2.</p>	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Murial Saville-Troike. (2006). <i>Introducing Second Language Acquisition</i>. Cambridge University Press. 2. Ellis, R. (1997). <i>Second Language Acquisition</i>. Oxford University Press <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lightbown, Patsy M. & Spada, Nina. (1999). <i>How Languages are Learned (Second Edition)</i>. Oxford: Oxford University Press. 2. Kees de Bot, Wander Lowie and Marjolijn Verspoor. (2005). <i>Second Language Acquisition: An advanced resource book</i>. Routledge.
---	--------	---------------------------------------	---	--

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất		Năm thứ hai	
Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2
<ul style="list-style-type: none"> - Triết học Mác-Lênin (3TC) - Cơ sở văn hóa Việt Nam (2TC) - Môi trường và con người (2TC) - Ngữ pháp (3TC) - Kỹ năng Nghe Nói 1 (3TC) - Kỹ năng Đọc Viết 1 (3TC) 	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế chính trị MLN (2TC) - Tin học (2TC) - Tâm lý học đại cương (2TC) - Kỹ năng Nghe Nói 2 (3TC) - Kỹ năng Đọc Viết 2 (3TC) - Tâm lý học (4TC) * Chọn 1 trong 2 học phần: <ul style="list-style-type: none"> - Ngữ âm – Âm vị (2TC) - Luyện phát âm tiếng Anh (2TC) * Chọn 1 trong 2 học phần: <ul style="list-style-type: none"> - Xã hội học đại cương (2TC) - Các vấn đề xã hội đương địa (2TC) 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ nghĩa xã hội khoa học (2TC) - Pháp luật đại cương (2TC) - Ngữ pháp nâng cao (2TC) - Lý thuyết dịch (2TC) - Kỹ năng Nghe Nói 3 (3TC) - Kỹ năng Đọc Viết 3 (3TC) 	<ul style="list-style-type: none"> - Lịch sử ĐCSVN (2TC) - Tư tưởng HCM (2TC) - PPNCKH chuyên ngành TA (2TC) - Kỹ năng Nghe Nói 4 (3TC) - Kỹ năng Đọc Viết 4 (3TC) * Chọn 1 trong 2 học phần: <ul style="list-style-type: none"> - Ngoại ngữ II-1: Tiếng Pháp (4TC) - Ngoại ngữ II-1: Tiếng Trung Quốc (4TC)
Năm thứ ba		Năm thứ tư	
Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2
<ul style="list-style-type: none"> - Biên dịch 1 (2TC) - Kỹ năng Nghe Nói 5 (3TC) - Kỹ năng Đọc Viết 5 (3TC) - Văn hoá Anh – Mỹ (2TC) - Kỹ năng thuyết trình (2 TC) * Chọn 1 trong 2 học phần: <ul style="list-style-type: none"> - Ngoại ngữ II-2: Tiếng Pháp 2 	<ul style="list-style-type: none"> - Biên dịch 2 (3TC) - Kỹ năng Đọc Viết 6 (3TC) - Từ vựng – Ngữ nghĩa học (2TC) - Phiên dịch 1 (2TC) * Chọn 1 trong 2 học phần: <ul style="list-style-type: none"> - Ngoại ngữ II-3: Tiếng 	<ul style="list-style-type: none"> - Biên dịch 3 (2TC) - Kỹ năng Nghe Nói 6 (3TC) - Thiết kế giáo án và PT tài liệu dạy học - Văn học Anh – Mỹ (2TC) - Phiên dịch 2 (2TC) * Chọn 1 trong 2 học phần: 	<ul style="list-style-type: none"> - Phiên dịch 3 - Thực tập tốt nghiệp (5TC) - Khoá luận tốt nghiệp (6TC) * Học phần thay thế khoá luận (chọn 2 trong 5 học phần): <ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ học đối chiếu (3TC) - Công nghệ trong dịch thuật

(3TC) - Ngoại ngữ II-2: Tiếng Trung Quốc 2 (3TC)	Pháp 3 (3TC) - Ngoại ngữ II-3: Tiếng Trung Quốc 3 (3TC) * Chọn 1 trong 2 học phần: - Tiếng Anh kinh tế (2TC) - Tiếng Anh du lịch (2TC)	- Ngữ dụng học (2TC) - Phong cách học (2TC) * Chọn 1 trong 2 học phần: - Giao thoa văn hoá (2TC) - Giao tiếp liên văn hoá (2TC) * Chọn 1 trong 2 học phần: - Ngôn ngữ học tri nhận (2TC) - Phân tích diễn ngôn (2TC)	(3TC) - Ngôn ngữ học xã hội (3TC) - Văn hoá doanh nghiệp (3TC) - Tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai (3TC)
---	--	---	---

4. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra

Tên học phần	Chuẩn đầu ra																							
	Kiến thức GD đại cương				Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức chuyên ngành			Kiến thức bổ trợ		Thực tập – Khoá luận tốt nghiệp				Kỹ năng nghề nghiệp		Kỹ năng khác				Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm		
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	C21	C22	C23	C24
Triết học Mác-Lênin	3	3	0	0	0	0	0	0	1	1	0	1	0	0	0	0	2	1	0	0	1	1	1	2
Kinh tế chính trị Mác-Lênin	3	3	0	0	0	0	0	0	1	1	0	1	0	0	0	0	2	1	0	0	1	1	1	2
Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	3	0	0	0	0	0	0	1	1	0	1	0	0	0	0	2	1	0	0	1	1	1	2
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	3	3	0	0	0	0	0	0	1	1	0	1	0	0	0	0	2	1	0	0	1	1	1	2
Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	3	0	0	0	0	0	0	1	1	0	1	0	0	0	0	2	1	0	0	1	1	1	2
Pháp luật đại cương	3	3	0	0	0	0	0	0	1	1	0	1	0	0	0	0	2	1	0	0	1	1	1	2
Tiếng Pháp 1	0	1	1	1	0	0	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	1	1	1	2
Tiếng Pháp 2	0	1	1	2	0	0	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	1	1	1	1	2

Tiếng Pháp 3	0	1	2	3	0	0	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	3	1	1	1	1	2
Tiếng Trung Quốc 1	0	1	1	1	0	0	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	1	1	1	2
Tiếng Trung Quốc 2	0	1	1	2	0	0	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	1	1	1	1	2
Tiếng Trung Quốc 3	0	1	2	3	0	0	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	3	1	1	1	1	2
Tin học	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	1	1	2	0	3	0	0	0	2
Cơ sở văn hóa Việt Nam	0	3	1	0	0	0	0	0	2	2	0	2	0	0	1	0	2	2	0	0	2	0	1	2
Môi trường và con người	0	3	1	0	0	0	0	0	2	2	0	2	0	0	0	0	2	2	0	0	2	0	2	2
PPNCKH chuyên ngành tiếng Anh	0	1	1	0	3	3	3	3	1	2	2	1	3	3	2	2	3	3	3	2	2	2	2	3
Tâm lý học đại cương	0	2	1	0	0	0	0	0	1	1	0	2	0	0	0	0	2	2	0	1	2	1	1	2
Xã hội học đại cương	0	3	1	0	0	0	0	0	1	1	0	2	0	0	0	0	2	2	0	1	2	1	1	2
Các vấn đề xã hội đương đại	0	3	1	0	0	0	0	0	1	1	0	2	0	0	0	0	2	2	0	1	2	1	1	2
Ngữ pháp	0	1	1	0	2	1	3	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	3	1	1	2	1	2
Ngữ pháp nâng cao	0	1	1	0	3	3	3	2	2	3	2	2	2	3	2	2	3	3	3	1	1	2	1	3
Ngữ âm – Âm vị học	0	1	1	0	3	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	1	2	2	2	3
Luyện phát âm tiếng Anh	0	1	1	0	3	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	1	2	2	2	3
Lý thuyết dịch	0	2	1	0	3	3	3	2	3	3	2	2	3	3	3	3	3	3	3	1	2	2	2	3
Biên dịch 1	0	2	1	0	3	3	3	2	3	3	2	2	3	3	3	3	3	3	3	1	2	2	2	3
Biên dịch 2	0	3	2	0	3	3	3	3	3	3	3	2	2	3	3	3	3	3	3	2	3	3	3	3

Biên dịch 3	0	3	2	0	3	3	3	3	3	3	3	2	2	3	3	3	3	3	2	3	3	3	3	
Phiên dịch 1	0	2	1	0	3	3	3	2	3	3	2	2	3	3	3	3	3	3	1	2	2	2	3	
Phiên dịch 2	0	3	2	0	3	3	3	3	3	3	3	2	2	3	3	3	3	3	2	3	3	3	3	
Kỹ năng Nghe Nói 1	0	1	1	0	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	1	1	1	1	2
Kỹ năng Đọc Viết 1	0	1	1	0	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	1	1	1	1	2
Kỹ năng Nghe Nói 2	0	1	1	0	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	1	1	1	2	2
Kỹ năng Đọc Viết 2	0	1	1	0	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	2	2	1	1	1	2	2
Kỹ năng Nghe Nói 3	0	2	2	0	3	3	3	3	2	2	2	2	3	2	2	2	3	3	3	2	2	2	2	3
Kỹ năng Đọc Viết 3	0	2	2	0	3	3	3	3	2	2	2	2	3	2	2	2	3	3	3	2	2	2	2	3
Kỹ năng Nghe Nói 4	0	2	2	0	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2	3	3	3	3
Kỹ năng Đọc Viết 4	0	2	2	0	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2	3	3	3	3
Kỹ năng Nghe Nói 5	0	2	2	0	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2	3	3	3	3
Kỹ năng Đọc Viết 5	0	2	2	0	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2	3	3	3	3
Kỹ năng Nghe Nói 6	0	2	2	0	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2	3	3	3	3
Kỹ năng Đọc Viết 6	0	2	2	0	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2	3	3	3	3
Phiên dịch 3	0	3	2	0	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2	3	3	3	3
Kỹ năng thuyết trình	0	3	2	0	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2	3	3	3	3
Văn hoá Anh	0	3	2	0	3	3	3	2	3	3	2	2	2	2	2	2	3	3	3	2	2	2	2	3

– Mỹ																								
Văn học Anh – Mỹ	0	3	2	0	3	3	3	2	3	3	2	2	2	2	2	2	3	3	3	2	2	2	2	3
Từ vựng – Ngữ nghĩa học	0	1	1	0	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	2	2	2	2	3
Ngữ dụng học	0	1	1	0	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	2	2	2	2	3
Phong cách học	0	1	1	0	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	2	2	2	2	3
Tiếng Anh kinh tế	0	2	1	0	3	3	3	2	2	2	3	2	2	2	2	2	3	3	3	2	2	2	2	3
Tiếng Anh du lịch	0	2	1	0	3	3	3	2	2	2	3	2	2	2	2	2	3	3	3	2	2	2	2	3
Giao thoa văn hoá	0	3	1	0	3	3	3	2	3	3	2	2	2	2	2	2	3	3	3	2	2	2	2	3
Giao tiếp liên văn hoá	0	3	1	0	3	3	3	2	3	3	2	2	2	2	2	2	3	3	3	2	2	2	2	3
Ngôn ngữ học tri nhận	0	1	1	0	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	2	2	2	2	3
Phân tích diễn ngôn	0	1	1	0	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	2	2	2	2	3
Thực tập tốt nghiệp	2	3	2	0	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2	3	3	3	3
Khoá luận tốt nghiệp	0	3	2	0	3	3	3	3	3	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3	2	2	2	3	3
Ngôn ngữ học đôi chiều	0	3	2	0	3	3	3	3	3	3	3	2	2	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	3
Công nghệ trong dịch thuật	0	3	3	0	3	3	3	3	3	3	3	2	2	3	3	3	3	3	3	3	2	2	2	3
Ngôn ngữ học xã hội	0	3	2	0	3	3	3	3	3	3	3	2	2	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	3

Văn hoá doanh nghiệp	0	3	2	0	3	3	3	3	3	3	3	3	2	3	3	3	3	3	3	2	3	2	2	3
Tiếp thu ngôn ngữ thứ hai	0	3	2	0	3	3	3	3	3	3	3	2	2	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2	3

Ghi chú: 0 - Không đóng góp; 1 - Đóng góp thấp; 2 - Đóng góp trung bình; 3-Đóng góp cao

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2019

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG LÃNH ĐẠO KHOA QUẢN LÝ CTĐT
(ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Quyết